



TẬP ĐOÀN
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**
Số: 630 /TVĐ4-P2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 8 tháng 4 năm 2021

V/v công bố thông tin Báo cáo
thường niên năm 2020

Kính gửi :

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1- Tên công ty: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4

2- Mã chứng khoán: TV4

3- Địa chỉ trụ sở chính: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

4- Điện thoại: 0258.3563999 Fax: 0258.3563888

5- Người thực hiện công bố thông tin: Trần Lê Thanh Bình

6- Nội dung của thông tin công bố:

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 xin công bố Báo cáo thường niên năm 2020.

7- Địa chỉ website: www.pecc4.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: P2, VT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Trần Lê Thanh Bình



Người ký: TRẦN LÊ THANH
BÌNH
Ký ngày: 08/04/2021 14:50:21

KIẾN TẠO NIỀM TIN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



I. TỔNG QUAN

II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

III. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

V. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
2. Sự kiện, giải thưởng tiêu biểu 2020
3. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
4. Quá trình hình thành phát triển
5. Tỷ lệ cổ phần, Mô hình hoạt động, Lĩnh vực hoạt động, Sơ đồ tổ chức
6. Thông tin tài chính cơ bản

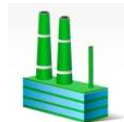
1. Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025
2. Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030
3. Giá trị bền vững

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị
2. Báo cáo của Ban điều hành
3. Kế hoạch phát triển năm 2021

1. Tổng quan về quản trị
2. Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ban điều hành
3. Hoạt động Hội đồng quản trị, Ban điều hành
4. Quản trị rủi ro

1. Các hoạt động phát triển bền vững 2020
2. Thực hiện nhiệm vụ xã hội
3. Gắn kết môi trường trong hoạt động

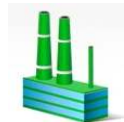
1. Báo cáo kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
2. Sự kiện, giải thưởng tiêu biểu 2020
3. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
4. Quá trình hình thành phát triển
5. Tỷ lệ cổ phần, Mô hình hoạt động, Lĩnh vực hoạt động, Sơ đồ tổ chức
6. Thông tin tài chính cơ bản



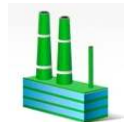


PECC4 phần đầu trở thành nhà cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng điện hàng đầu tại Việt Nam và khu vực.

PECC4 cung cấp dịch vụ tư vấn, đầu tư, xây dựng công trình điện cho khách hàng kịp thời với chất lượng tốt nhất.



PECC4 tạo dựng niềm tin trong Công ty và với Khách hàng dựa trên các giá trị cơ bản.



Điểm nhấn năm 2020



Doanh thu thuần đạt 251 tỷ đồng

Tăng 25,8% so với năm 2019



Lợi nhuận trước thuế đạt 32,49 tỷ đồng

Tăng 54,28% so với năm 2019



Tổng tài sản năm 2020 đạt 335,6 tỷ đồng

Tăng 16% so với năm 2019



Tổng số lượng lao động đạt 426 người

Tăng 12,4% so với năm 2019



Danh hiệu, giải thưởng và các sự kiện nổi bật năm 2020



Với kết quả đã đạt được trong năm, tại Lễ tổng kết Tập đoàn Điện lực Việt Nam năm 2020, Công ty là một trong 9 đơn vị trực thuộc EVN được Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp tặng Cờ Thi đua xuất sắc. Ngoài ra, Công ty được UBND tỉnh Khánh Hòa tặng Cờ Thi đua xuất sắc trong hoạt động của Khối thi đua các doanh nghiệp 4 tại tỉnh năm 2020.



Ngày 30/10/2020, tại thành phố Quy Nhơn, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đã tổ chức Hội nghị Doanh nghiệp thường niên 2020.

Với những phấn đấu, nỗ lực của Công ty trong giai đoạn 2019 - 2020, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 với mã CK: TV4 đã được vinh danh trong 15 doanh nghiệp doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu trên HNX năm 2019 – 2020



Giám sát xây dựng Điện mặt trời Xuân Thiện – EA Súp với tổng mức đầu tư hơn 50.000 tỷ đồng, công suất tổng nhà máy Điện Mặt Trời Xuân Thiện 2.000MW, sản lượng điện khoảng 5 tỷ kWh/năm. Giai đoạn I với công suất 600MW ~ 830 MWp.

Đây là dự án điện mặt trời có công suất lớn nhất khu vực Đông Nam Á và lớn thứ 2 thế giới. Dự án bao gồm 22,2km đường dây 500kV và trạm biến áp 500kV/1200MVA ...



Danh hiệu, giải thưởng và các sự kiện nổi bật năm 2020



Ngày 16/10/2020, Lãnh đạo tập đoàn Điện lực Việt Nam - Tổng Giám đốc EVN Ông Trần Đình Nhân và Phó Tổng giám đốc EVN Ông Nguyễn Tài Anh - đã đến thăm và làm việc với PECC4.

Lãnh đạo Tập đoàn mong muốn PECC4 "có khát vọng để vươn lên trở thành đơn vị tư vấn điện hàng đầu Việt Nam". Tổng Giám đốc EVN bày tỏ niềm tin tưởng với sự nhiệt huyết, sự quyết tâm của Ban lãnh đạo công ty, cùng đội ngũ CBCNV trẻ có năng lực sẽ sớm hiện thực hóa mong muốn của Tập đoàn.

Phó Tổng giám đốc EVN Nguyễn Tài Anh cũng cho rằng, PECC4 phải đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số để thực hiện khảo sát, tư vấn các dự án điện





THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KIẾN TẠO NIỀM TIN

Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4 là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn xây dựng các công trình điện ở Việt Nam. Công ty chúng tôi chuyên cung cấp cho khách hàng các dịch vụ: Tư vấn xây dựng; tư vấn đấu thầu; tư vấn quản lý dự án; quy hoạch; khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình điện, xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật...

Với kinh nghiệm hơn 40 năm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn; Với đội ngũ cán bộ quản lý điều hành, lực lượng chuyên gia, kỹ sư có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm, năng động, sáng tạo, được đào tạo chuyên sâu trong và ngoài nước; Với trang thiết bị công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo cung cấp những dịch vụ tư vấn đa dạng, đáp ứng mọi yêu cầu của Khách hàng.



Ông Vũ Thành Danh

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đến với Công ty CP Tư vấn xây dựng Điện 4 Quý khách hàng yên tâm về chất lượng dịch vụ tư vấn.

Mục tiêu của Công ty là phát triển toàn diện và bền vững lĩnh vực tư vấn, tích cực mở rộng lĩnh vực đầu tư các dự án điện, nhằm mang lại lợi ích tối đa cho doanh nghiệp, khách hàng và cổ đông.

Phương châm hành động của Công ty là **kiến tạo niềm tin** để đáp ứng sự tin nhiệm của khách hàng.

Công ty xin gửi lời chào trân trọng và mong nhận được sự hợp tác của Quý khách hàng.

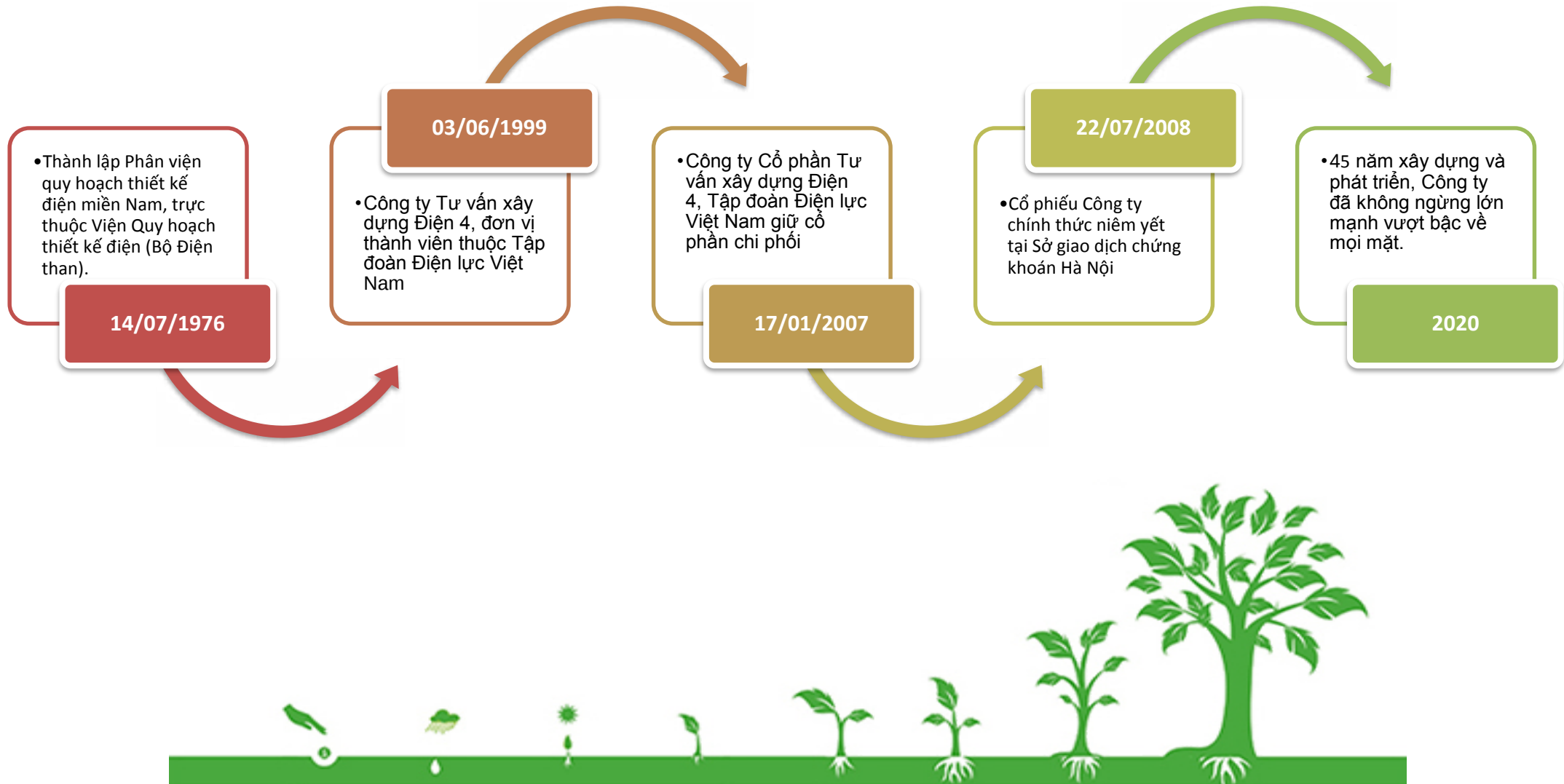
Trân trọng

CHỦ TỊCH HĐQT

VŨ THÀNH DANH



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





THÀNH TÍCH NỔI BẬT TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Với thành tích hơn 40 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Công ty đã được Nhà nước phong tặng nhiều phần thưởng cao quý:

- +01 Huân chương Độc lập hạng Nhì (Năm 2011)
- +01 Huân chương Độc lập hạng Ba (Năm 2006)
- +01 Huân chương Lao động hạng Nhất (1995)
- +01 Huân chương Lao động hạng Nhì.
- +02 Huân chương Lao động hạng Ba

Và nhiều Bằng khen, Cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Công Thương, Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và nhiều Huân chương, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ cho các đơn vị trực thuộc và cá nhân tiêu biểu, xuất sắc của Công ty.



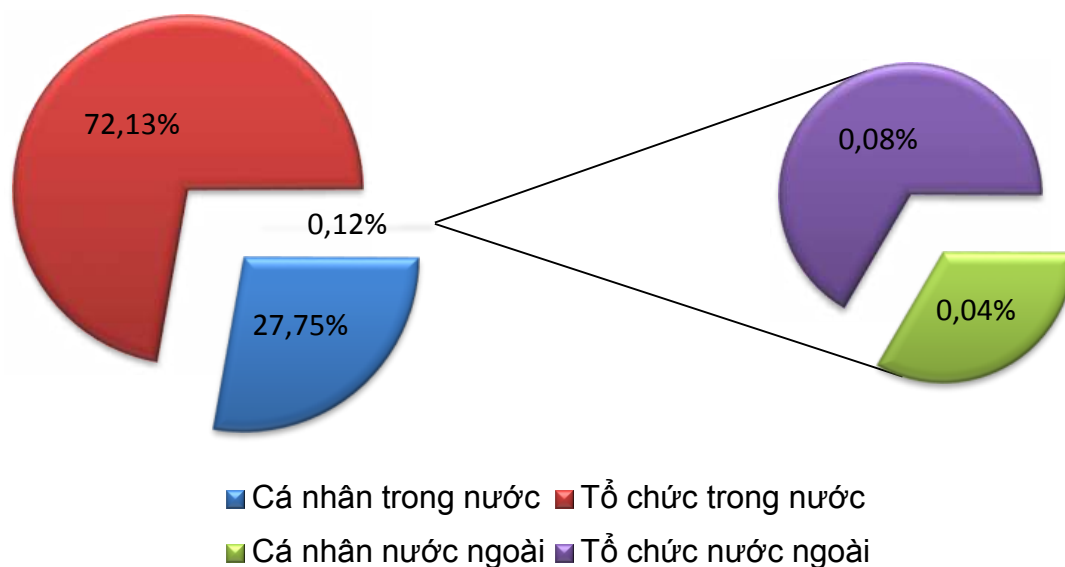
Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Ông Vũ Thành Danh nhận bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

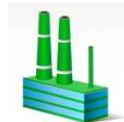


TỶ LỆ CỔ PHẦN TRONG CÔNG TY

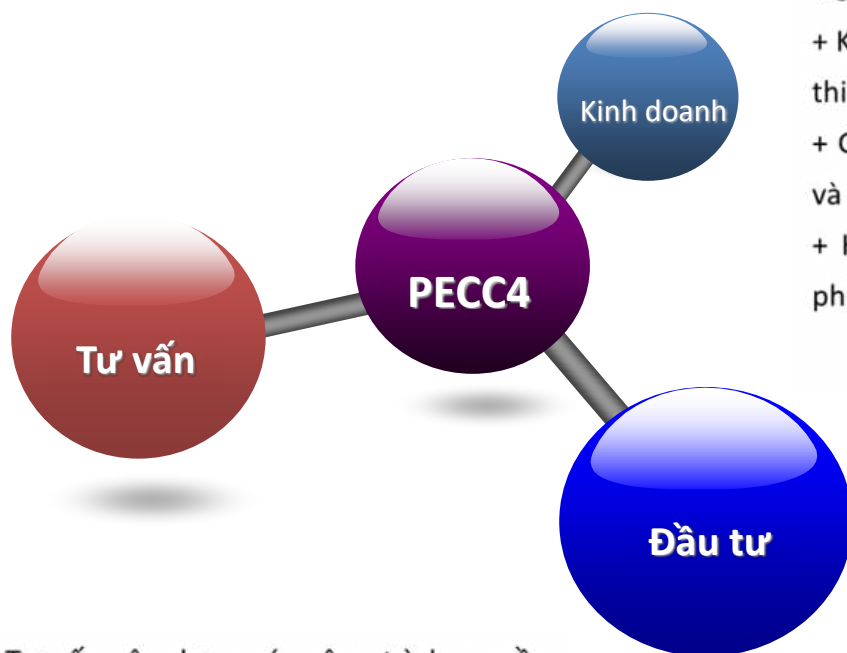
STT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu	Tỷ lệ %
I	Trong nước	15.815.862	99,88%
-	Cá nhân	4.394.665	27,75%
-	Tổ chức	11.421.197	72,13%
	<i>Trong đó: Tập đoàn EVN</i>	<i>11.335.610</i>	<i>71,59%</i>
II	Nước ngoài	18.883	0,12%
-	Cá nhân	6.973	0,04%
-	Tổ chức	11.910	0,08%
	Tổng cộng	15.834.745	100%

(Theo số liệu thời điểm 16/03/2021)





LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



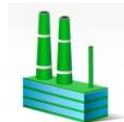
- + Sản xuất kinh doanh điện năng;
- + Kinh doanh xuất, nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- + Gia công chế tạo cấu kiện, vật liệu và xây lắp điện;
- + Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật

- + Tư vấn xây dựng các công trình: nguồn điện, lưới điện, các dạng năng lượng mới và tái tạo, viễn thông điện lực, các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và các công trình dân dụng, công nghiệp
- + Tư vấn quản lý đầu tư xây dựng

Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Buôn Đôn với tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 là 31% tương đương 164.074.690.000 đồng



Các dự án của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 trải dài ba miền Bắc Trung Nam



Thủy điện



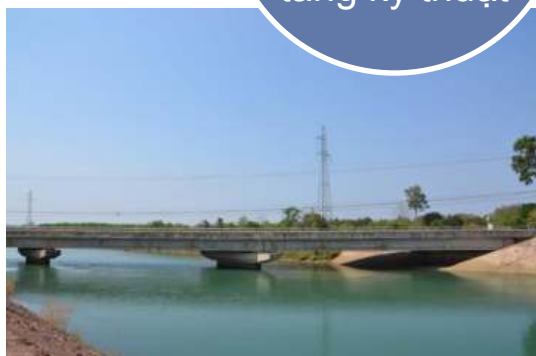
Lưới điện

Các dạng
năng
lượng mới
và tái tạo



Tư vấn,
xây dựng,
giám sát
các công
trình

Các công
trình dân
dụng - công
nghiệp và hạ
tầng kỹ thuật



Nhiệt điện





MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4



Chi nhánh

Công ty liên kết

Chi nhánh phía Bắc

Địa chỉ: Lô số 3 – TT4 – ngõ 183 –
phố Hoàng Văn Thái – phường
Khương Trung – quận Thanh Xuân –

Chi nhánh phía Nam

Địa chỉ: 46/9 Trần Quý Khoách –
phường Tân Định – Quận 1 –
TP. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Thuỷ điện Buôn Đôn

- Địa chỉ: Tầng 7 – Khách sạn Biệt Điện, Số 01 Ngô Quyền, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Vốn điều lệ: 600.189.420.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 là 31% tương đương 186.060.690.000 đồng





SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ





Giới thiệu Hội đồng quản trị



Ông VŨ THÀNH DANH

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ông LÂM DU SƠN

Thành viên Hội đồng quản trị



Ông TRẦN HOÀI NAM

Thành viên Hội đồng quản trị



Ông LÊ CAO QUYỀN

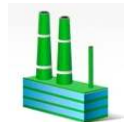
Thành viên Hội đồng quản trị
Người thực hiện chức trách, nhiệm vụ
Tổng giám đốc



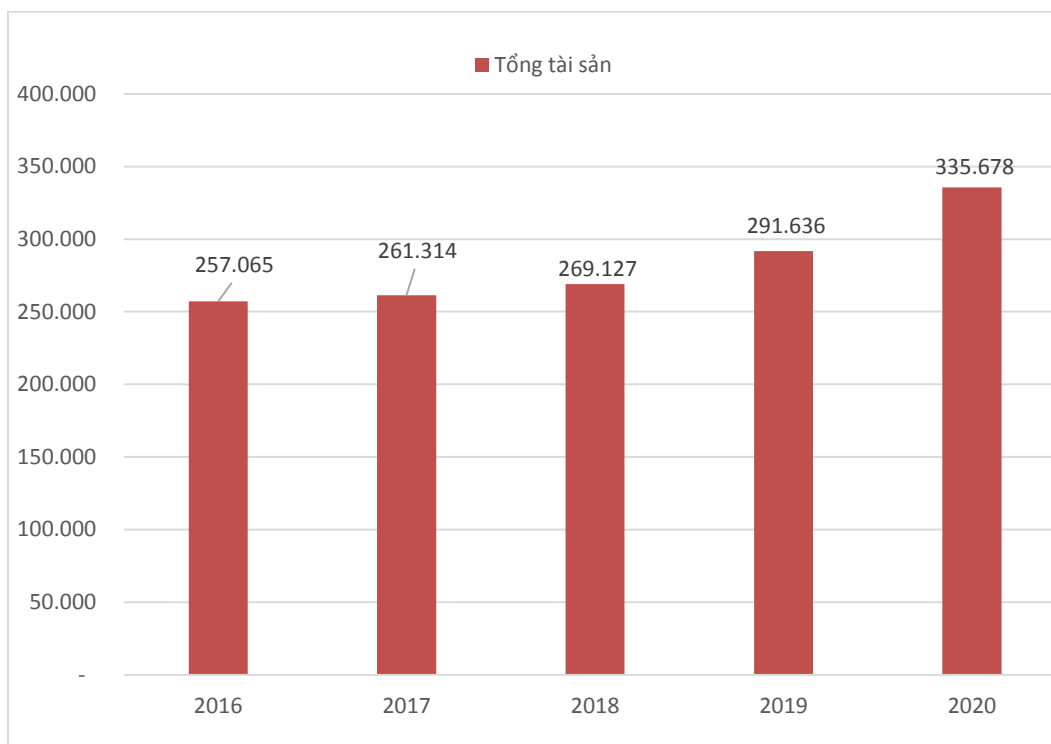
Ông Trần Cao Hỷ

Thành viên Hội đồng quản trị
Phó Tổng Giám đốc

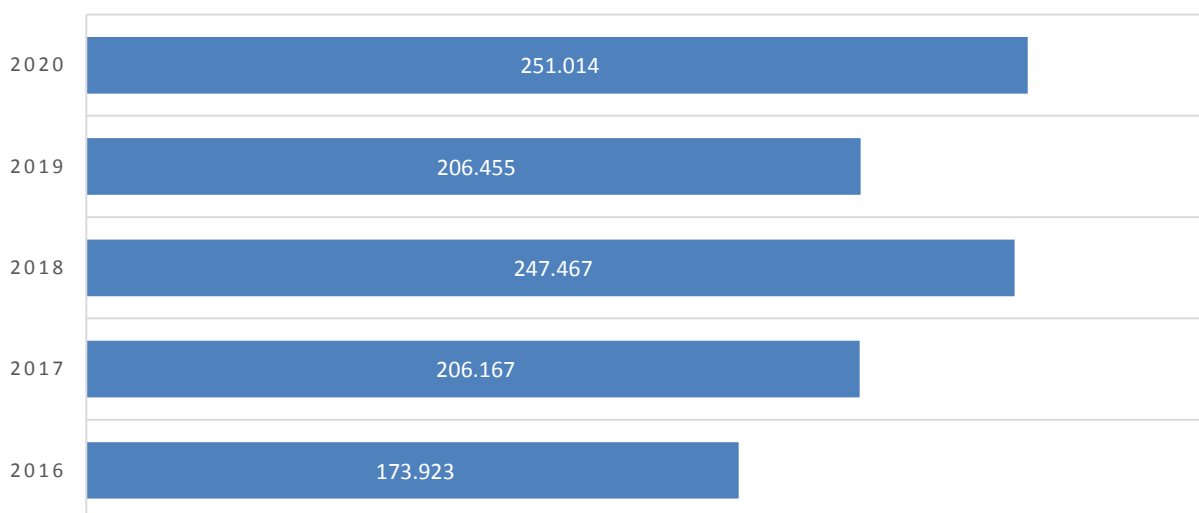




TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



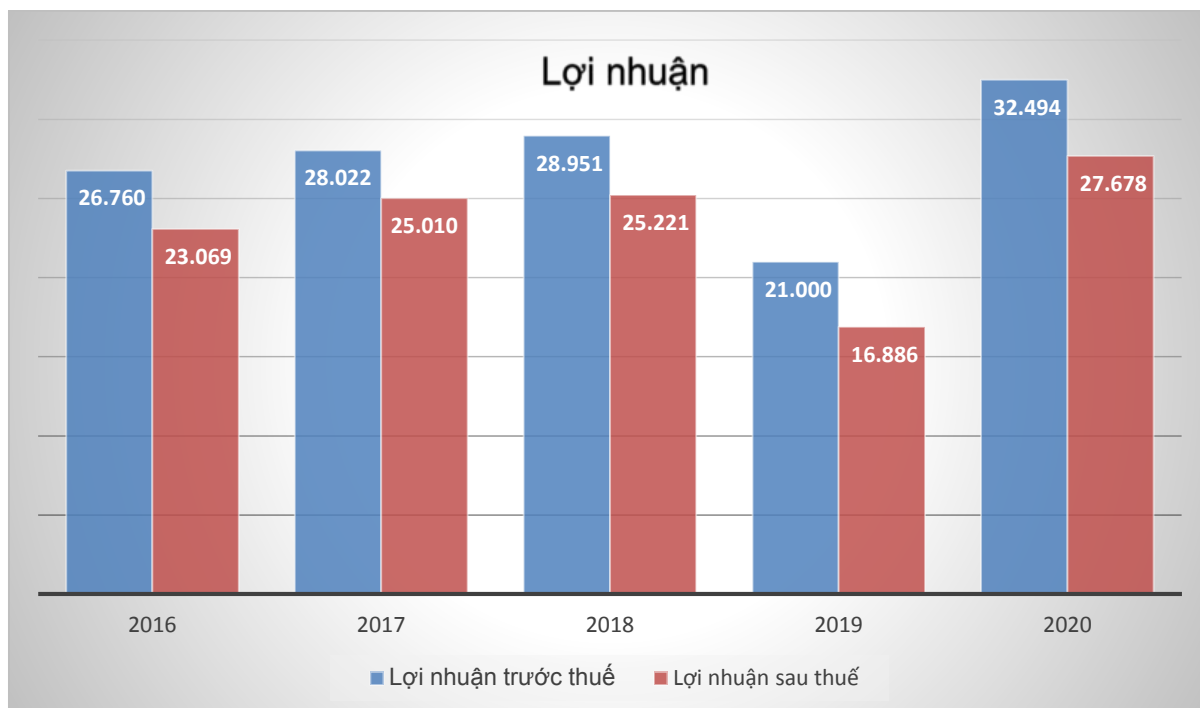
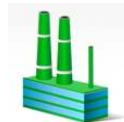
DOANH THU THUẦN



	2016	2017	2018	2019	2020
■ Doanh thu thuần	173.923	206.167	247.467	206.455	251.014

DOANH THU THUẦN 2020 đạt **251 tỷ đồng**

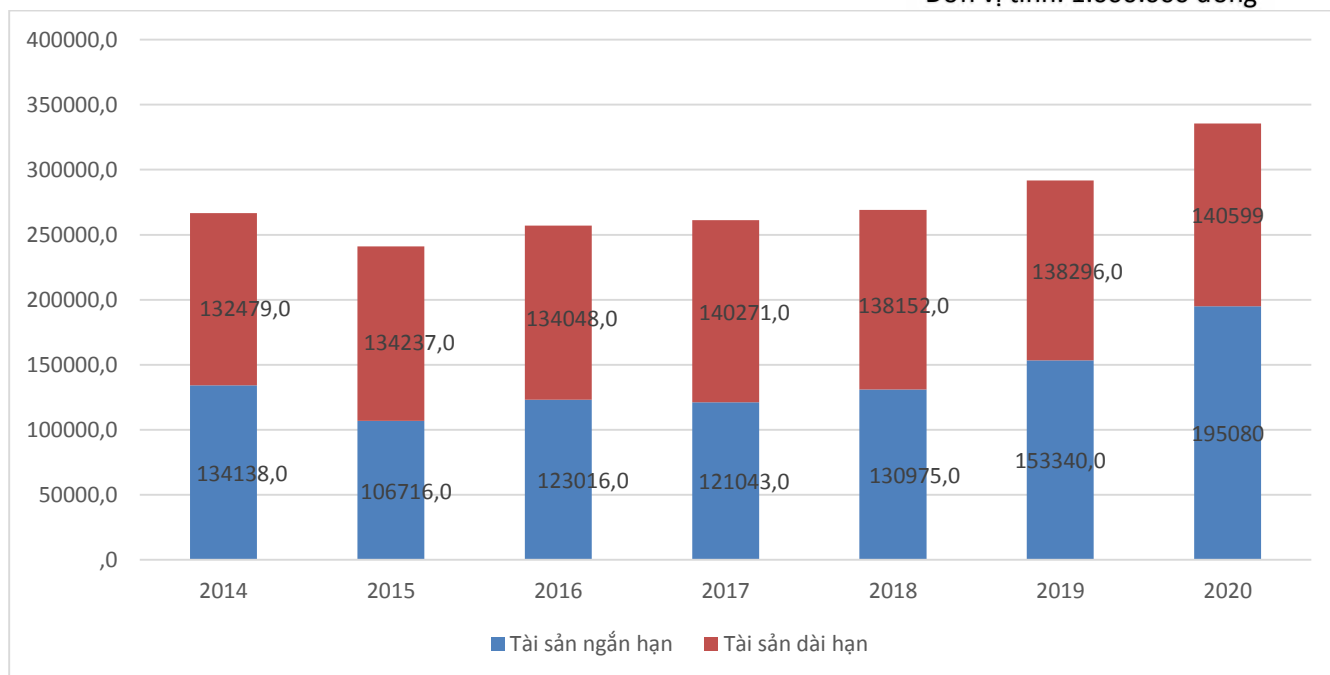




TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: 1.000.000 đồng





Tài sản của Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Điện 4 đến thời điểm 31/12/2020 tăng 44.042 triệu đồng tương đương tăng 15,1% so với thời điểm 1/1/2020. Trong đó cơ cấu tài sản ngắn hạn chiếm 58,12%, tài sản dài hạn chiếm 41,88% tổng tài sản.

Tài sản ngắn hạn cuối năm 2020 tăng 41.470 triệu đồng (+27,22%), Tài sản dài hạn của Công ty tăng 2.302 triệu đồng (+1,66%).



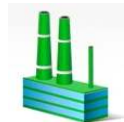
**Tình hình nợ phải trả**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Biến động	
			Số tiền	Tỷ lệ %
Nợ ngắn hạn	150.060	116.125	33.935	29,22%
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng nợ phải trả	150.060	116.125	30.511	29,22%

Trong năm qua công ty đảm bảo được nguồn vốn, không thực hiện vay nợ tài chính.

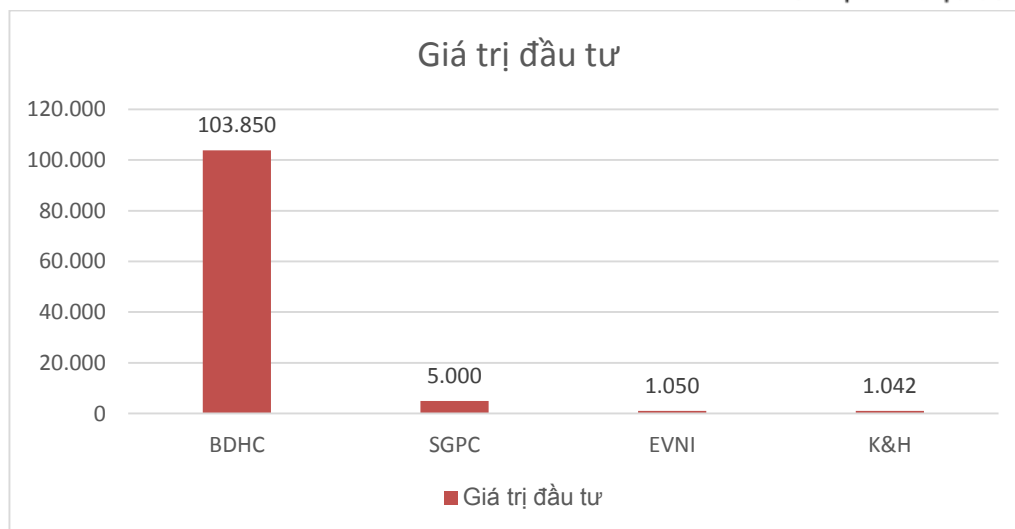




Các khoản đầu tư tài chính



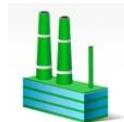
Đơn vị tính: triệu đồng





Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang



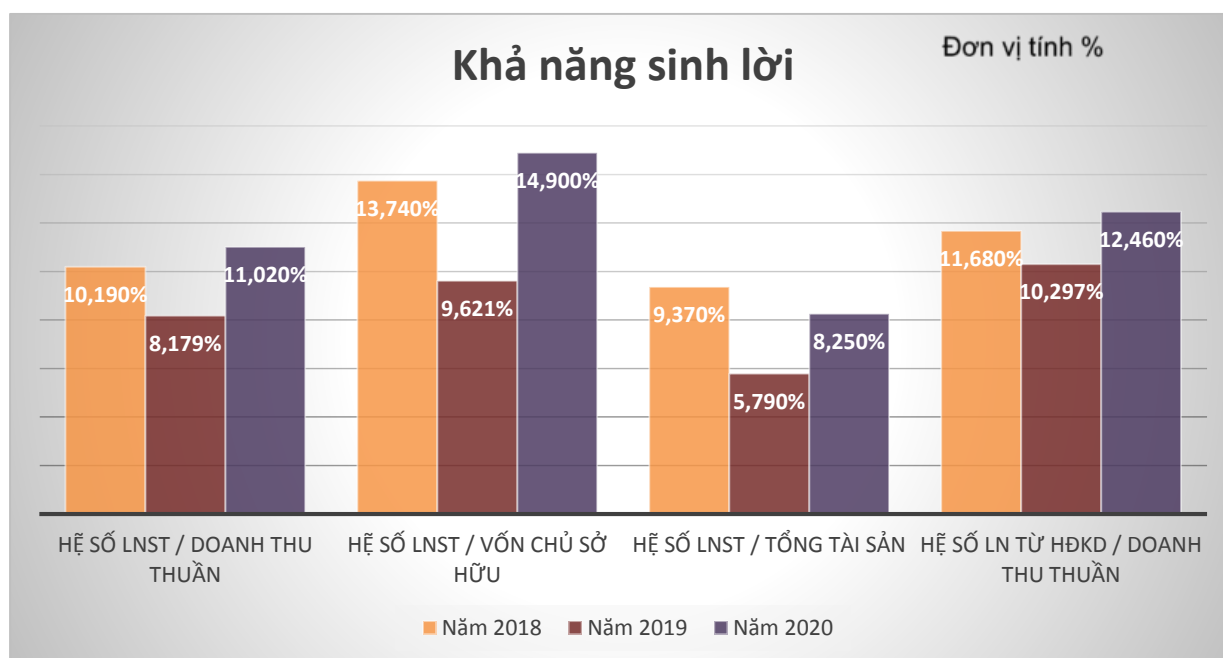


Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

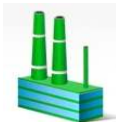




Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,53	1,32	1,30
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,44	1,25	1,28
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số nợ / tổng tài sản	0,32	0,40	0,45
+ Hệ số nợ / vốn chủ sở hữu	0,47	0,66	0,81
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
+ Vòng quay hàng tồn kho	19,39	20,02	33,69
+ Doanh thu thuần / tổng tài sản	0,92	0,74	0,75
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	10,19%	8,18%	11,02%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	13,74%	9,62%	14,9%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	9,37%	5,79%	8,25%
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần	11,68%	10,30%	12,46%

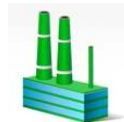


Năm 2020, tình hình tài chính Công ty an toàn, các chỉ tiêu tài chính hoàn thành so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đặt ra.



II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- 1. Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025**
- 2. Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030**
- 3. Giá trị bền vững**



Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025

Cải thiện công tác vận hành công ty có hiệu quả: Công tác tổ chức, quản trị, đào tạo, marketing, chăm sóc khách hàng, giải quyết các nút thắt, ứng dụng công nghệ...

Mở rộng thị trường, phát triển kinh doanh sản phẩm tư vấn

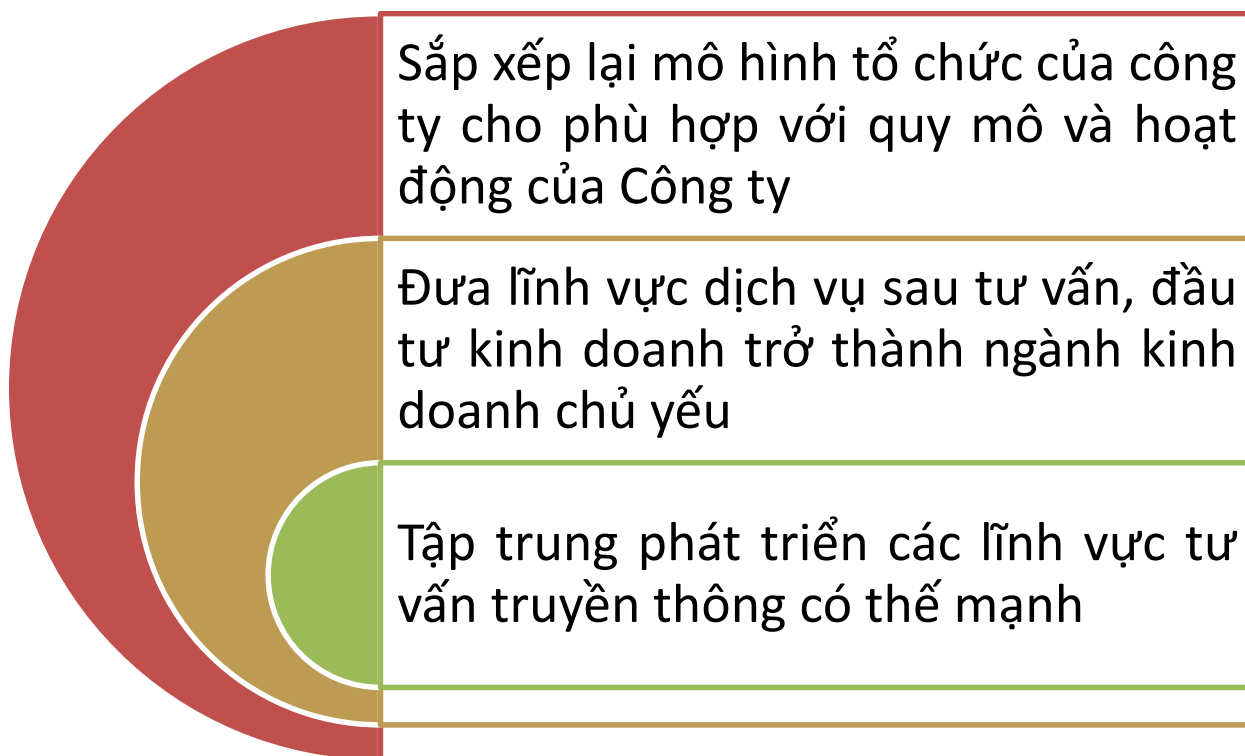
Phát triển một số sản phẩm mới: Thủy điện ngoài khơi, Nhiệt điện khí, rác, sinh khối; Tư vấn quản lý dự án, EPC, Bảo dưỡng sửa chữa, khảo sát đánh giá nhà máy, công trình



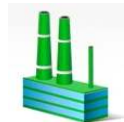
Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Ông Vũ Thành Danh báo cáo chiến lược phát triển trước lãnh đạo tập đoàn EVN



Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030



Thành viên Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Ông Nguyễn Đức Cường phát biểu chỉ đạo tại buổi làm việc với Công ty



Gia tăng giá trị sản lượng dịch vụ tư vấn, đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động. Đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn

Tập trung phát triển dịch vụ tư vấn về năng lượng bền vững: các dự án năng lượng tái tạo (thủy điện, năng lượng mặt trời, gió,...); tái chế rác thải thành năng lượng,...

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, tận dụng có hiệu quả cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

Giá trị bền vững





EVNPECC4

Báo cáo thường niên 2020



III. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 1- Báo cáo của Hội đồng quản trị**
- 2- Báo cáo của Ban Điều Hành**
- 3- Kế hoạch phát triển năm 2021**

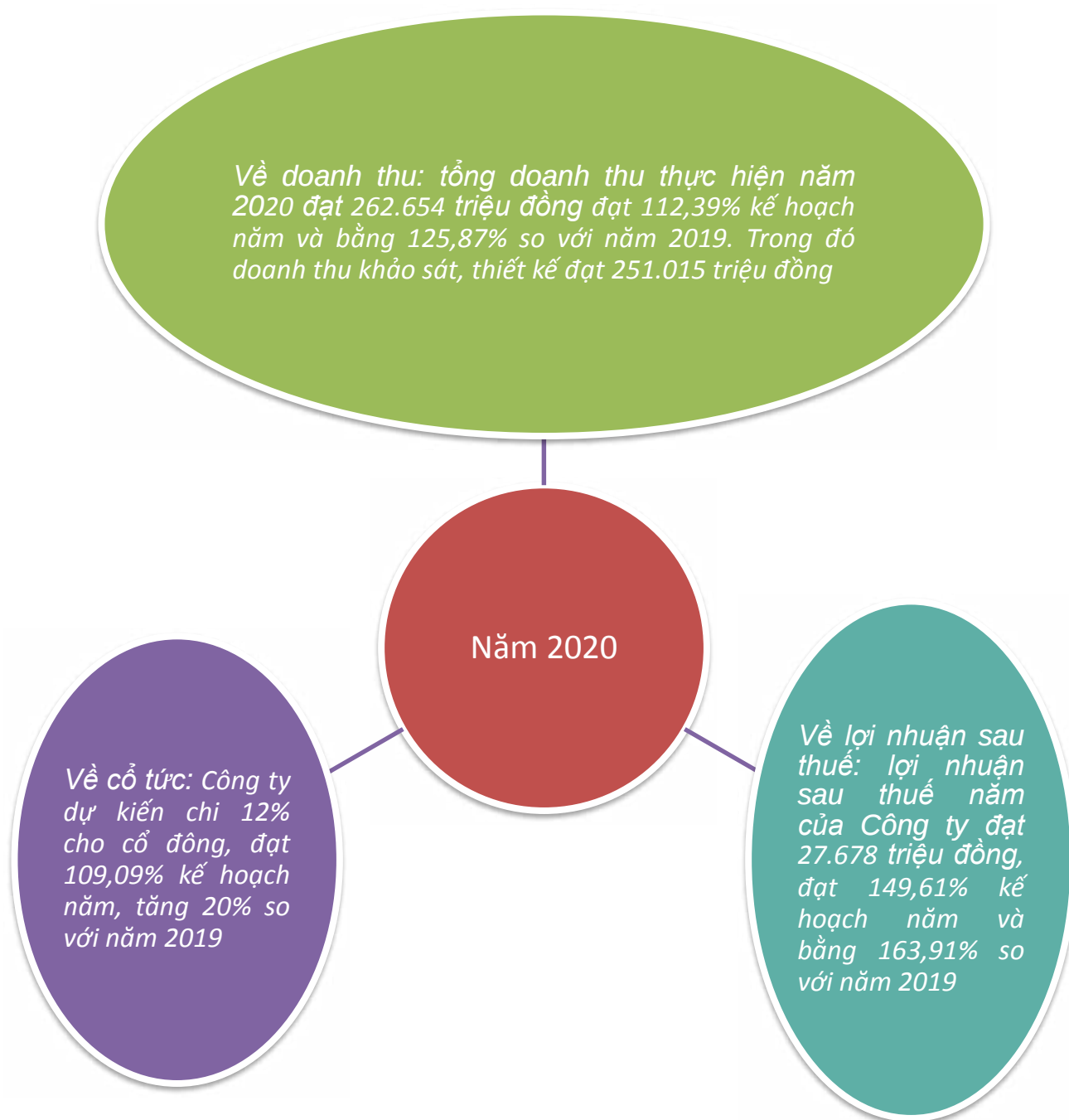


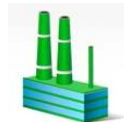


1. Báo cáo đánh giá Hội đồng quản trị

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2020, tuy bị tác động bởi dịch bệnh Covid – 19 nhưng với sự nỗ lực, cố gắng không ngừng của tập thể Lãnh đạo cùng toàn thể Người lao động, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.





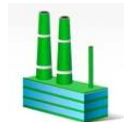
Đánh giá hoạt động của Ban điều hành

Năm 2020, HĐQT tiếp tục sát cánh với Ban điều hành Công ty trong hoạt động thường xuyên của Công ty để phối hợp, hỗ trợ, giám sát, đôn đốc các hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời chỉ đạo giải quyết mọi vấn đề quan trọng phát sinh. Trong năm, Ban điều hành đã rất nỗ lực trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh theo đúng định hướng được ĐHĐCĐ thông qua. Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông

Trong năm, Tổng giám đốc, quản lý các đơn vị đã tích cực chủ động trong việc tìm kiếm thị trường, công việc - đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng mới (gió, điện mặt trời). Cuối năm 2020, công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu về tổng doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch

Song song với nhiệm vụ SXKD, năm 2020, Ban Điều hành đã có nhiều cơ chế, chính sách kiến toàn nhân sự, đào tạo, nâng cao đời sống Người lao động: tổ chức một số khóa đào tạo dài hạn và ngắn hạn, hội thảo chuyên đề nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị Doanh nghiệp và nâng cao năng lực tư vấn; Rà soát, hiệu chỉnh Hệ thống thang, bảng lương; Tiếp tục củng cố và phát triển nguồn nhân lực; Sửa đổi, bổ sung Thỏa ước Lao động tập thể, Quy định trợ cấp, thăm hỏi cán bộ công nhân viên

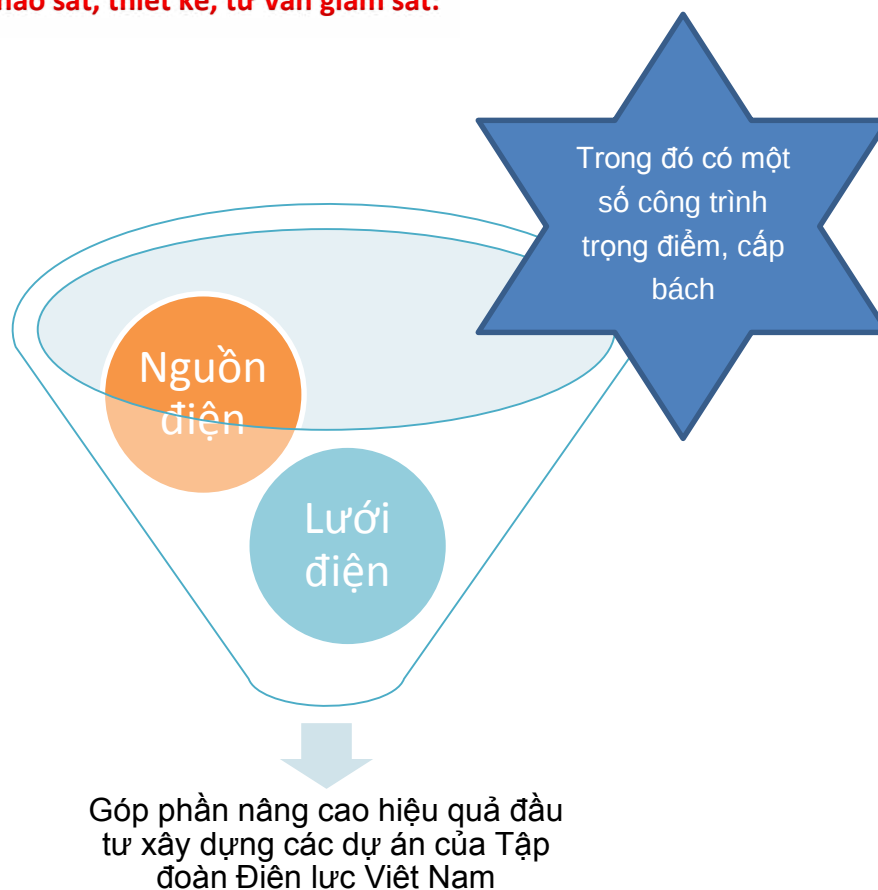




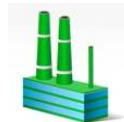
2. Báo cáo đánh giá của Ban điều hành

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Nhiệm vụ tư vấn khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát:



Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 Mở rộng hòa lưới vào hệ thống điện Quốc Gia



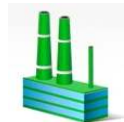
Ngoài lĩnh vực truyền thống là các dự án Lưới điện, năm 2020, Công ty tiếp tục thực hiện các dự án về lĩnh vực năng lượng tái tạo: Điện Mặt trời, Điện Gió.



Điện mặt trời Xuân Thiện



Điện gió Trung Nam



Tình hình thực hiện các dự án – Nguồn điện

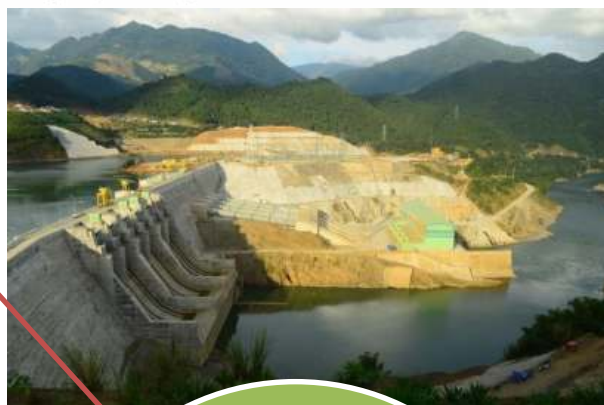
Tiếp tục triển khai
TKKT giai đoạn 2 - TĐ
tích năng Bắc Ái



Thủy điện tích năng Bắc Ái

Các dự án
thủy điện

Thủy điện Trung Sơn

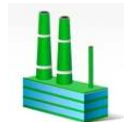


Hoàn thành bản vẽ thi
công Thủy điện Sông
Nhiệm 3

Hoàn thành Thiết kế xử
lý sạt trượt Thủy
điện Trung Sơn

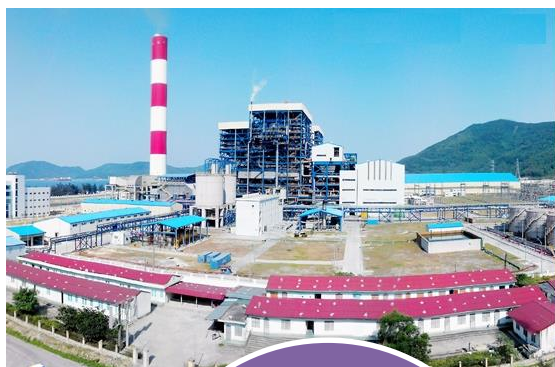


Thủy điện Sông Nhiệm 3



Tình hình thực hiện các dự án – Nhiệt điện

Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1



Nhiệt điện Vĩnh Tân 4MR

Hoàn thành công tác Tư vấn quản lý hợp đồng EPC NMNĐ Vĩnh Tân 4 mở rộng

Tiếp tục triển khai lập Định mức BDSC định kỳ NMNĐ Vũng Áng 1

Các dự án nhiệt điện và dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa

Hoàn thành dịch vụ thử nghiệm giải pháp chống tắc than nguyên cho bunker NMNĐ Vĩnh Tân 2

Hoàn thành dịch vụ thí nghiệm hiệu chỉnh lò Nhà máy nhiệt điện Nhôm Lâm Đồng;

Báo cáo NCTKT nhà máy điện Tuabin khí LNG Cà Ná, Hoàn thành BSQH Nhà máy điện Tuabin khí chu trình hỗn hợp LGN Vân Phong, Tư vấn lập định mức tồn kho vật tư phục vụ công tác sửa chữa bảo dưỡng cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch 1

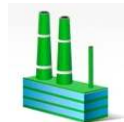
Nhiệt điện

Nhôm Lâm Đồng



LNG Cà Ná





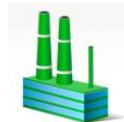
Tình hình thực hiện các dự án – Năng lượng tái tạo

Các dự án năng lượng tái tạo

Dự án Năng lượng mặt trời

Dự án Điện gió





Trong lĩnh vực Điện mặt trời:

Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam



Nghiên cứu khả thi, Thiết kế kỹ thuật, Bản vẽ thi công Nhà máy điện mặt trời Trung Nam - Thuận Nam

Điện mặt trời Solar Park 3



Thiết kế kỹ thuật, Bản vẽ thi công các Nhà máy điện mặt trời Phước Thái 1, Solar Park 3, Solar Park 4.

Trong lĩnh vực Điện mặt trời

Thiết kế kỹ thuật các NM điện mặt trời Đầm Trà Ô

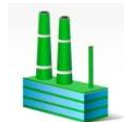


Điện mặt trời trên hồ Đầm Trà Ô

Thiết kế kỹ thuật các NM điện mặt trời Thiên Tân 1.4



Điện mặt trời Thiên Tân 1.4

**Trong lĩnh vực điện gió:**

Lập Nghiên cứu khả thi các Nhà máy điện gió Hưng Hải, Gia Lai, Chợ Long, Yang Trung, Hanbaram, Ia Pết – Đak Đoa 1, Ia Pết – Đak Đoa 2,

NCKT, TKKT NM điện gió Trung Nam giai đoạn 3, Bình Đại, Gió gió số 5 Ninh thuận, Nhơn Hội 1, 2

TKKT các NM điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên, Phong Liệu, Đông Hải 1, Lạc Hòa 1, Quốc Vinh Sóc Trăng

BVTC Nhà máy Điện gió Trung Nam giai đoạn 2



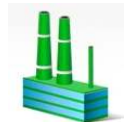
Lắp cột trụ đầu tiên ngoài biển – Điện gió Bình Đại



Đổ móng bê tông – Điện gió Phong Nguyên



Điện gió Trung Nam



Tình hình thực hiện các dự án – Lưới điện

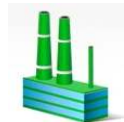


**Đường Dây
(ĐZ)**

Lưới điện

**Trạm Biến Áp
(TBA)**





Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi các ĐZ 500kV: Krông Buk - Tây Ninh 1, Lào Cai – Vĩnh Yên

Phó tổng giám đốc EVN - ông Nguyễn Hồng Phương cùng đoàn công tác đi kiểm tra hướng tuyến ĐZ 500kV Lào Cai – Vĩnh Yên

Khảo sát, Thiết kế kỹ thuật ĐZ 500kV Nhiệt Điện Vân Phong – Nhiệt Điện Vĩnh Tân (Đoạn từ NĐ Vân Phong đến điểm D)

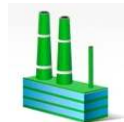
Các dự án Đường dây

Khảo sát, Thiết kế Bản vẽ thi công ĐZ 110kV Thanh An - Bến Cát

Khảo sát, Báo cáo nghiên cứu khả thi các ĐZ 220kV: Đường dây 220kV Nậm Mô (Lào) – Tương Dương, Tương Dương – Đô Lương, Mạch kép Ninh Phước – Thuận Nam



Đường dây 500kV Nhiệt Điện Vân Phong – Nhiệt Điện Vĩnh Tân



Khảo sát, NCKT các dự án TBA 500kV: Bình Dương 1, Bắc Châu Đức và đường dây đấu nối, Đồng Nai 2 và đường dây đấu nối, Duyên Hải 2 và Đường dây 500kV Duyên Hải – Vĩnh Long – TBA 500kV Ô Môn



TBA 500kV Ô Môn

Khảo sát, Thiết kế bản vẽ thi công các TBA 110kV Thủ Thiêm 1, TBA 110kV Thanh An và Đường dây đấu nối

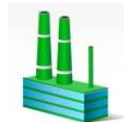
Các dự án trạm biến áp

Khảo sát, NCKT các dự án TBA 220kV: Ninh Hòa (Vạn Ninh), Tương Dương; Các Trạm cắt 220kV: Bờ Y và các ĐZ đấu nối, Đắk Ooc và các ĐZ đấu nối

TKBVTC NCS Trạm biến áp 500kV Vĩnh Tân, TBA 220kV Ninh Phước



Trạm biến áp 500kV Vĩnh Tân



Tình hình thực hiện giám sát (TVGS)



Nhà máy điện mặt trời Hồng Phong 5.2



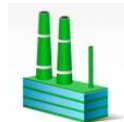
TVGS thi công các dự án Năng lượng tái tạo: NM điện mặt trời Trung Nam - Thuận Nam; Cụm NM điện mặt trời Xuân Thiện Ea Súp; Các NM Điện mặt trời Phan Lâm 2, Hồng Phong 5.2,



TVGS thi công các dự án lưới điện: ĐZ 500kV Mỹ Tho - Đức Hòa, ĐZ 500/220kV Nho Quan-Phủ Lý-Thường Tín, ĐZ 500/220kV Hải Dương – Phố Nối, TBA 500kV Tây Hà Nội, TBA 500kV Việt Trì, ...



TBA 500kV Việt Trì



Nhiệm vụ nâng cao năng lực tư vấn, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn:

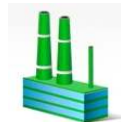
Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ



Phần mềm thiết kế Bentley

Công tác quản lý kỹ thuật – quản lý chất lượng





Nhiệm vụ nâng cao năng lực tư vấn, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn:

Công tác nghiên cứu, ứng dụng Khoa học công nghệ

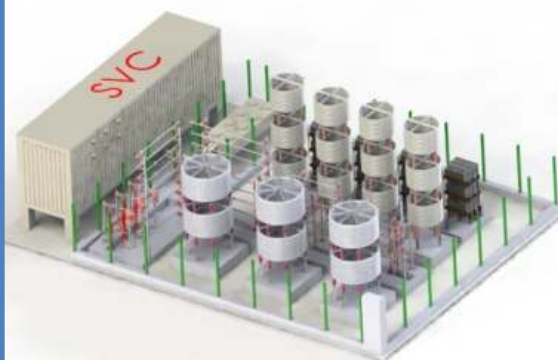
Triển khai ứng dụng công nghệ bay chụp ảnh trong công tác khảo sát các dự án lưới điện

Hoàn thiện đề án “Nghiên cứu các giải pháp tổng thể lắp đặt các hệ thống tụ bù ngang, kháng bù ngang trên dưới để giảm thời gian chạy chế độ bù đồng bộ của các Nhà máy Thủy điện” “nghiên cứu tính toán, phương án giải pháp tổng thể các nguồn điện cho toàn bộ khu vực Nam Trung Bộ”, “Giải pháp xây dựng tổng thể hạ tầng phục vụ giải tỏa công suất các dự án NLTT trên địa bàn tỉnh Bến Tre, Kom Tum”



Công nghệ bay chụp ảnh

Đang triển khai đề án “Nghiên cứu cơ sở khoa học đề xuất giải pháp bảo vệ chống sét cho Đường dây và Trạm biến áp cao áp, siêu cao áp của hệ thống điện Việt Nam. Thực hiện thí điểm ngăn ngừa sét đánh trực tiếp trên các cột đường dây cao áp 110kV, 220kV và siêu cao áp 500kV trên hệ thống điện bằng công nghệ Việt Nam”. Đề án nhằm mục đích xây dựng được cơ sở khoa học đề xuất giải pháp bảo vệ chống sét cho đường dây và trạm biến áp cao áp, siêu cao áp của hệ thống điện Việt Nam. Thực hiện thí điểm ngăn ngừa sét đánh trực tiếp trên các cột cao áp 110kV, 220kV và siêu cao áp 500kV trên hệ thống điện Việt Nam



Nghiên cứu tính toán giải pháp lắp đặt SVC ổn định điện áp, đáp ứng yêu cầu Thông tư 30/BCT cho các Nhà máy điện gió (NMDG Bình Đại 1, 2, 3)...

Tiếp tục triển khai áp dụng công nghệ thiết kế 3D trong công tác tư vấn thiết kế Trạm biến áp và đường, dây truyền tải; Nghiên cứu triển khai tính toán thiết kế cột thép sử dụng thanh thép ống trong các dự án đường dây truyền tải



Thiết kế bằng Công nghệ 3D

Đặc biệt, năm 2020 Công ty đã triển khai ứng dụng có hiệu quả công nghệ 4.0 trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành (100% sử dụng văn bản điện tử và chữ ký số, triển khai rộng rãi và có hiệu quả họp trực tuyến, bước đầu triển khai số hóa hồ sơ dự án, hồ sơ lưu trữ...).



Nhiệm vụ nâng cao năng lực tư vấn, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn:

Công tác quản lý kỹ thuật - quản lý chất lượng

Năm 2020, các đơn vị thiết kế đã có sự nỗ lực, cố gắng nhất định trong việc hoàn thành các hợp đồng dịch vụ tư vấn của Công ty, cơ bản đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và tiến độ theo hợp đồng đã được Khách hàng phê duyệt, nghiệm thu, thanh toán mang lại giá trị gia tăng doanh thu trong năm



Chất lượng HSDA ngày càng được cải thiện, giảm thiểu sai sót, ít có ý kiến phản hồi từ Khách hàng. Qua thống kê các phản hồi từ Khách hàng, nhận thấy đa phần phản ánh của khách hàng chủ yếu nhắc nhở việc nộp HSDA đáp ứng tiến độ theo hợp đồng

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015 tiếp tục được duy trì, luôn được rà soát, cập nhật phù hợp với quy định, việc áp dụng hệ thống QLCL Công ty phù hợp Tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 ngày càng được hoàn thiện, các sản phẩm dịch vụ tư vấn về mẫu mã, phương thức được cải tiến và thống nhất trong toàn Công ty



Phong trào sáng kiến cải tiến tiếp tục được duy trì; Năm 2020 có 20 sáng kiến được Hội đồng sáng kiến Công ty công nhận.



Về nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản trị Doanh nghiệp:

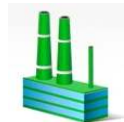


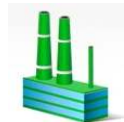
**Tổ chức bộ máy và quản trị
nguồn nhân lực**

**Đảm bảo việc làm, đời
sống cho CBCNV**

Quản trị tài chính





**Về nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp:****Quản trị tài chính**

Năm 2020, tình hình tài chính Công ty khả quan hơn những năm trước đây, các chỉ tiêu SXKD đều hoàn thành vượt mức kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra.



Trong năm, Công ty đã thực hiện tốt việc kê khai thuế theo quy định, nộp đủ số tiền thuế phát sinh phải nộp; Báo cáo tài chính Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn với hệ số bảo toàn vốn là 1,1.



Năm 2020, Công ty đã thực hiện tốt công tác tiết kiệm các nguồn lực, kiểm soát tốt ngân quỹ, dòng tiền chi hợp lý, đảm bảo tình hình thu – chi, đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất kinh doanh, đầu tư mua sắm trang thiết bị; Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, hạn chế tối đa nợ tồn đọng (*trong năm Công ty đã thu được 1,3 tỷ đồng nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ từ các năm trước*).



Là doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), qua các năm Công ty luôn thực hiện tốt công tác minh bạch và công bố thông tin. Công ty được vinh danh là 1 trong 15 doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu trên HNX năm 2019 – 2020



Đảm bảo việc làm, đời sống cho CBCNV

Đảm bảo việc làm cho người lao động, không còn tình trạng chờ việc so với những năm trước đây. Thu nhập bình quân của người lao động năm 2020 tăng hơn 20% hơn so với năm 2019. Từ tháng 7/2020, Công ty đã tăng quỹ lương hàng tháng cho CBCNV lên 10% so với thời gian trước đây; Các khoản chi trong dịp Lễ, Tết đều tăng so với những năm trước đây

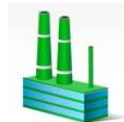
Trích nộp đầy đủ các khoản về Bảo hiểm XH, Bảo hiểm y tế, BH thất nghiệp cho người lao động. Đảm bảo các chế độ phúc lợi cho người lao động, phối hợp với Công đoàn thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời cho người lao động gặp khó khăn do thiên tai.

Sửa đổi, bổ sung Quy định Trợ cấp, thăm hỏi CBCNV Công ty; Sửa đổi, bổ sung Thỏa ước lao động tập thể trong đó tăng mức trợ cấp ốm đau, hiếu, hỷ cho CBCNV...

Tổ chức Hội thao trong CNVC-LĐ kỷ niệm 44 năm ngày thành lập Công ty (14/7/1976 – 14/7/2020).

Công ty luôn quan tâm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động: Sửa chữa, cải tạo phòng làm việc; Thường xuyên bổ sung, thay thế các trang, thiết bị phòng làm việc, mua bổ sung, thay thế ô tô phục vụ sản xuất. Năm 2020, ngoài việc trang bị các thiết bị phục vụ sản xuất như: thiết bị bay chụp, máy định vị vệ tinh, máy khoan... Công ty đã mua 6 xe ô tô đã qua sử dụng với kinh phí hơn 4,2 tỷ đồng thay thế các xe ô tô cũ, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho CBCNV đi công tác. Đảm bảo diện tích cần thiết, môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp cho CBCNV





3. Kế hoạch phát triển năm 2021



Nâng cao năng suất lao động, phấn đấu doanh thu, lợi nhuận tăng 10% so với năm 2020;



Nâng cao năng lực tư vấn và chất lượng sản phẩm;



Tăng cường tiếp cận, mở rộng thị trường lĩnh vực tư vấn;



Đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ 4.0, thực hiện nền tảng chuyển đổi số trong hoạt động SXKD và quản trị Công ty;

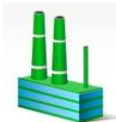


Triển khai ứng dụng BIM giai đoạn 2021-2022.



Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp





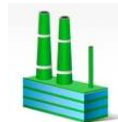
IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1- Tổng quan về quản trị

2- Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ban điều hành

3- Hoạt động Hội đồng quản trị, Ban điều hành

4- Quản trị rủi ro



1- Tổng quan về quản trị



Quy chế quản trị

Hoàn thiện quy chế quản trị nội bộ

Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp

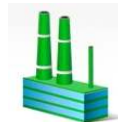
Hoạt động Kiểm toán, quản lý rủi ro, pháp chế...

Đảm bảo lợi ích

Đảm bảo quyền lợi và lợi ích của các cổ đông, nhà đầu tư

Vận hành hiệu quả
Mô hình quản trị Doanh nghiệp





2- Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ban điều hành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông VŨ THÀNH DANH

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh : 18/08/1964

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 78/37 Tuệ Tĩnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA), Cử nhân Tài chính – Tín dụng.

Thành tích khen thưởng: Huân chương Lao động hạng Nhì

Ông tham gia vào Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 từ năm 1988

Từ năm 1994, ông đảm nhận chức danh Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty.

Từ năm 1999, ông đảm nhận chức danh Kế toán trưởng Công ty.

Tháng 4/2012, ông tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty với tư cách là ủy viên

Tháng 4/2020, ông đảm nhận Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông TRẦN HOÀI NAM

Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh : 04/03/1960

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 150A Lê Hồng Phong,
Phường Phước Hải, TP
Nha Trang – Khánh
Hòa, Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện kỹ thuật

Thành tích khen thưởng : Huân chương Lao
động hạng Nhì

Ông tham gia vào Công ty Cổ phần Tư vấn xây
dựng Điện 4 từ năm 1983.

Từ năm 1992,
ông đảm nhận
chức danh Phó
phòng Thiết kế
Đường dây

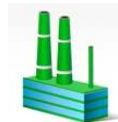
Từ năm 1993,
ông đảm nhận
chức danh
Trưởng phòng
Thiết kế
Đường dây

Từ năm 2006,
ông đảm nhận
chức danh Phó
Tổng giám
đốc.

Tháng 4/2012,
ông tham gia
Hội đồng quản
trị Công ty với
tư cách là
Thành viên
HĐQT.

15/3/2018,
ông được bổ
nhiệm vào
chức danh Chủ
tịch Hội đồng
quản trị kiêm
Tổng Giám đốc
Công ty

Tháng 4/2021,
Ông thôi giữ
chức vụ Chủ
tịch HĐQT,
Tổng giám đốc
để nghỉ hưu.
Hiện ông là
Thành viên
HĐQT.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông LÂM DU SƠN

Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh : 19/8/1954
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : A1-10 Mỹ Phú 3A, Nguyễn Lương Bằng, Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ
Kinh nghiệm: Ông tham gia vào ngành điện Việt Nam từ năm 1986.

Từ năm 1986, ông đảm nhận chức danh Phó Giám đốc Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh



Từ năm 1999, ông đảm nhận chức danh Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng Điện 3.



Tháng 4/2017, ông tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 với tư cách là Thành viên HĐQT.



Từ năm 2002, ông đảm nhận chức danh Phó Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng thành viên Tập đoàn điện lực Việt Nam.



Ông Lê Cao Quyền

Thành viên Hội đồng quản trị - Người thực hiện chức trách nhiệm vụ Tổng giám đốc

Ngày sinh : 14/10/1975

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 34/14/7A Lê Hồng Phong,
Thành phố Nha Trang, Tỉnh
Khánh Hòa

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ mạng và hệ thống
điện

Ông tham gia vào Công ty Cổ phần Tư vấn xây
dựng Điện 4 từ năm 1999

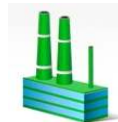
Từ năm
2005, ông
đảm nhận
chức danh
Phó giám đốc
Trung tâm Tư
vấn xây dựng
Trạm biến áp.

Từ năm
2011, ông
đảm nhận
chức danh
Giám đốc
Trung tâm
Tư vấn xây
dựng
Trạm biến
áp.

Từ tháng
10/2018, ông
đảm nhận
chức danh
Phó Tổng
giám đốc
Công ty kiêm
Giám đốc
Trung tâm
Tư vấn xây
dựng Trạm
biến áp

Tháng
4/2020, ông
được bổ
nhiệm chức
danh Người
thực hiện
chức trách,
nhiệm vụ
Tổng giám
đốc Công ty

Tháng
6/2020, ông
tham gia
vào Hội
đồng quản
trị Công ty
với tư cách
là Thành viên
HĐQT.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Trần Cao Hỷ

Thành viên Hội đồng quản trị -

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 17/06/1976

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : STH 27.36, khu đô thị Lê Hồng Phong II, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Xây dựng.

Ông tham gia vào Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 từ năm 1999.

Từ năm 2005, ông đảm nhận chức danh Phó phòng Tư vấn Đường dây.

Từ năm 2006, ông đảm nhận chức danh Giám đốc Trung tâm thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

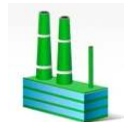
Từ năm 2014, ông đảm nhận chức danh Trợ lý Ban TGD kiêm Giám đốc Trung tâm thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Từ năm 2016, ông đảm nhận chức danh Trợ lý Ban Tổng giám đốc kiêm Trưởng Phòng Tổ chức nhân sự.

Từ năm 2017, ông đảm nhận chức danh Trợ lý Ban Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Tư vấn xây dựng Đường dây.

Tháng 4/2018, ông tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty với tư cách là Thành viên HĐQT.

Tháng 11/2019, ông đảm nhận chức danh Phó Tổng giám đốc



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu			Tỷ lệ (%)
			Cá nhân	Đại diện vốn EVN	Tổng	
1	Vũ Thành Danh	Chủ tịch HĐQT	92.007	4.534.244	4.626.251	29,22%
2	Lê Cao Quyền	TV HĐQT	5.204	3.400.683	3.405.887	21,51%
3	Trần Cao Hỷ	TV HĐQT	5.069	3.400.683	3.405.752	21,51%
3	Lâm Du Sơn	TV HĐQT	339.257	-	339.257	2,14%
3	Trần Hoài Nam	TV HĐQT	26.520	-	53.907	0,14%

(Số liệu tại ngày 16/3/2021)



BAN KIỂM SOÁT



Ông HỒ NAM KHÁNH

Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh : 14/05/1980

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 6/26 Nguyễn Thiện Thuật, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán doanh nghiệp

Ông tham gia vào Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 từ năm 2003.

Từ năm 2014: Giữ chức vụ Phó Chánh văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4.

Từ tháng 5/2016 đến nay, giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty



Ông Nguyễn Duy Quốc Việt

Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh : 13/01/1974

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 812/6 Trường Sa, Phường 14, Quận 3, TPHCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

1998-2002 Tổ trưởng tổ kiểm tra – Phòng Tài chính kế toán – Công ty điện lực Thành phố Hồ Chí Minh + 2002-2007 Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty điện lực Gò Vấp – Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh

2007-2015 Phó ban Tài chính kế toán Tổng công ty điện lực Thành phố Hồ Chí Minh + 2015-2018 Kế toán trưởng Tổng công ty điện lực Thành phố Hồ Chí Minh

Tháng 12/2018 Phó tổng giám đốc Tổng công ty điện lực Thành phố Hồ Chí Minh

Tháng 04/2018, ông tham gia vào Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Điện 4 với tư cách là thành viên Ban kiểm soát



BAN KIỂM SOÁT



Bà Nguyễn Thị Hải Yến

Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh : 19/12/1970

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : P 503/30A Đoàn Thị Điểm, P.
Quốc Tử Giám, Quận Đống
Đa, Hà Nội

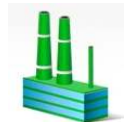
Trình độ chuyên môn: Chuyên viên chính

Từ 1995-2003, Công
tác tại trung tâm
thiết bị lưới điện
phân phối - Công ty
sản xuất thiết bị
Đông Anh - Chuyên
viên kế toán

Từ 2003-2008, Công
tác tại TCT Điện lực
Việt Nam, Chuyên
viên kế toán.

Từ 2008, Công tác tại
Tập đoàn Điện lực Việt
Nam, Chuyên viên
chính

Ngày 30/06/2020,
bà tham gia Ban
kiểm soát của Công
ty Cổ phần tư vấn
xây dựng Điện 4 với
tư cách là thành viên
Ban kiểm soát



BAN ĐIỀU HÀNH



Ông LÊ CAO QUYỀN

Thành viên Hội đồng quản trị – người thực hiện chức trách nhiệm vụ Tổng giám đốc



Ông Trần Cao Hỷ

Thành viên Hội đồng quản trị
- Phó Tổng Giám đốc



Ông NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc



Bà Trần Lê Thanh Bình

Trưởng phòng Tài chính Kế Toán



Danh sách Ban điều hành

- Ông LÊ CAO QUYỀN: đã trình bày trên phần Hội đồng quản trị
- Ông TRẦN CAO HỖ: đã trình bày trên phần Hội đồng quản trị



Ông NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG
Phó Tổng Giám đốc Công ty

Ngày sinh : 24/09/1964
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 09 (Lô 4) Hoàn Kiếm, Phước Hòa, Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi - Thủy điện
Ông tham gia vào Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 từ năm 1987

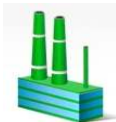
Từ năm 2001, ông đảm nhận chức danh Phó phòng Thiết kế Nguồn điện

Từ năm 2003, ông đảm nhận chức danh Trưởng phòng Thiết kế Nguồn điện

Từ năm 2009, ông đảm nhận chức danh Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

Từ năm 2014, ông đảm nhận chức danh Trợ lý Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4

Từ năm 2015, ông đảm nhận chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty



Danh sách Ban điều hành



Bà Trần Lê Thanh Bình

Trưởng phòng Tài chính Kế Toán

Ngày sinh : 29/10/1975

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 34/2/14 Nguyễn Thiện Thuật,
Thành phố Nha Trang, Tỉnh
Khánh Hòa

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Bà tham gia vào Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng
Điện 4 từ năm 2000

Năm 2008, đảm nhận chức danh Tổ
phó Phòng Tài chính - Kế toán Công
ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4

Năm 2009, Tổ trưởng Phòng Tài
chính - Kế toán Công ty Cổ phần Tư
vấn xây dựng Điện 4

Từ năm 2012, Phó phòng Tài chính -
Kế toán Công ty Cổ phần Tư vấn xây
dựng Điện 4

Tháng 4/2020 đến nay, Trưởng
phòng Tài chính - Kế toán Công ty Cổ
phần Tư vấn xây dựng Điện 4



Những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành



Ngày 01/04/2020, ông Trần Hoài Nam thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty, nghỉ hưu theo chế độ.



Ngày 01/04/2020, ông Vũ Thành Danh được bổ nhiệm chức danh người thực hiện chức trách, nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐQT ngày 31/03/2020.



Ngày 01/04/2020, ông Lê Cao Quyền được bổ nhiệm chức danh người thực hiện chức trách, nhiệm vụ Tổng Giám đốc Công ty theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐQT ngày 31/03/2020.



3- Hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị.

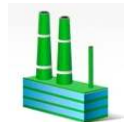
STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Vũ Thành Danh	13/13	100%	
2	Trần Hoài Nam	13/13	100%	
3	Lâm Du Sơn	13/13	100%	
4	Trần Cao Hỷ	13/13	100%	
5	Lê Cao Quyền	8/8	100%	Tham gia HĐQT kể từ ngày 30/6/2020





Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2020:

STT	SốNQ, QĐ	Ngày	Nội dung
1	36	14/2/2020	Tạm ứng cổ tức năm 2019 của Công ty CP TVXD Điện 4.
2	37	14/2/2020	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020 của Công ty CP TVXD Điện 4.
3	70	24/3/2020	Bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Công ty CP TVXD Điện 4 đối với ông Nguyễn Xuân Phương
4	72	31/3/2020	Cử nhân sự thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT và TGD Công ty CP TVXD Điện 4.
5	75	31/3/2020	Giao cán bộ thực hiện chức trách, nhiệm vụ Tổng giám đốc Công ty CP TVXD Điện 4.
6	77	6/4/2020	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020 của Công ty CP TVXD Điện 4.
7	82, 83	7/4/2020	Bổ nhiệm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP TVXD Điện 4.
8	129	25/5/2020	Thành lập Ban xây dựng chiến lược phát triển Công ty CP TVXD Điện 4.
9	147	16/6/2020	Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2019 của Công ty CP TVXD Điện 4.
10	148	16/6/2020	Thành lập Ban tổ chức và các Tiểu ban phục vụ ĐHĐCĐ thường niên 2020 Công ty CP TVXD Điện 4.
11	149	16/6/2020	Phê duyệt kế hoạch lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2020 của Công ty CP TVXD Điện 4.
12	150	16/6/2020	Phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản, cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Công ty CP TVXD Điện 4 năm 2020.
13	222	20/7/2020	Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
14	317	1/9/2020	Quy định phân công nhiệm vụ Hội đồng quản trị Công ty CP TVXD Điện 4.



15	318, 319	1/9/2020	Bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm EPC Công ty CP TVXD Điện 4.
16	324	24/9/2020	Bổ nhiệm lại cán bộ và biệt phái cán bộ Công ty CP TVXD Điện 4
17	337	29/9/2020	Xây dựng Trung tâm thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Công ty CP TVXD Điện 4
18	441	5/11/2020	Thanh toán cổ tức còn lại năm 2020
19	521	1/12/2020	Bổ nhiệm cán bộ Công ty CP TVXD Điện 4

Danh sách các ủy viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

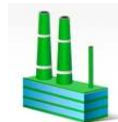
Ông Vũ Thành Danh - Ủy viên Hội đồng quản trị: Thạc sỹ quản trị kinh doanh, đạt chứng chỉ quản trị công ty do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.



Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành

- HĐQT thường xuyên giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và của HĐQT.
- HĐQT tổ chức họp thường kỳ để xem xét, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty, đề ra những giải pháp chỉ đạo kịp thời, định hướng hoạt động SXKD của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 (Công ty CP TVXD Điện 4).
- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.
- Giám sát, chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin theo quy định.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.
- Chỉ đạo việc thanh toán cổ tức năm 2019.
- Thông qua lựa chọn Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Nha Trang soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.
- Phối hợp với Ban kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc. Năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và tuân thủ các qui định của pháp luật.





2- BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

- | | |
|-------------------------|------------|
| 1. Ông Hồ Nam Khánh | Trưởng Ban |
| 2. Nguyễn Duy Quốc Việt | Thành viên |
| 3. Nguyễn Thị Hải Yến | Thành viên |

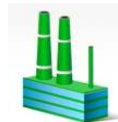
Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Hồ Nam Khánh	Trưởng Ban kiểm soát	52.413	0,33
2	Nguyễn Duy Quốc Việt	Thành viên Ban kiểm soát	57.854	0,37
3	Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên Ban kiểm soát	5.000	0,03

(Theo số liệu ngày 16/3/2021)



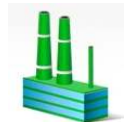
Trưởng Ban Kiểm soát – Ông Hồ Nam Khánh và Bà Nguyễn Thị Hải Yến



Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019, Quý I, II, III năm 2020.
 - Theo kế hoạch hoạt động năm 2020, Ban Kiểm soát đã tiến hành 02 đợt kiểm soát tại trụ sở chính của Công ty từ ngày 16/3- 20/3/2020; 14/9-18/9/2020 với các nội dung:
 - + Kiểm soát hoạt động năm 2019 và thẩm định BCTC năm 2019 của TV4 (thực hiện trước ĐHCĐ thường niên năm 2020).
 - + Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020; Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2020, các Nghị quyết HĐQT TV4 trong 6 tháng đầu năm 2020; Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020; Kế hoạch và giải pháp hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
 - Trong năm BKS đã thực hiện: Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, các nghị quyết/quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của TV4; Tham dự các cuộc họp của HĐQT, họp Ban điều hành về công tác kế hoạch..; Xem xét các báo cáo tổng kết và báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ của Ban Tổng Giám đốc để kịp thời cập nhật thông tin cho hoạt động của BKS...
 - Qua đợt kiểm soát nhận thấy HĐQT, Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành và chấp hành tốt các quy định của pháp luật hiện hành.
 - Năm 2020, Ban Kiểm soát không nhận được các đơn thư khiếu nại của cổ đông.
- Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Hồ Nam Khánh	Trưởng BKS	3/3	100%	
2	Trần Vĩnh Thái	Thành viên BKS	1/3	100%	Không là TV BKS từ ngày 30/6/2020
3	Nguyễn Duy Quốc Việt	Thành viên BKS	3/3	100%	
4	Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên BKS	2/3	67%	TV BKS từ ngày 30/6/2020

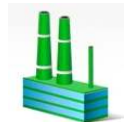


Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- BKS đã tham dự các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban định kỳ giữa Ban TGD và các cán bộ quản lý, các cuộc họp quan trọng khác liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho BKS. Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của TV4 khi có yêu cầu.

- Trong quá trình kiểm soát tại trụ sở TV4, BKS đã trao đổi, thảo luận và kiến nghị với Ban quản lý điều hành TV4 nhằm hoàn thiện cơ chế, quy chế quản lý nội bộ của TV4 để TV4 thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ TV4 và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của TV4. Đồng thời, các thành viên BKS đã trực tiếp làm việc với một số đơn vị tại TV4 qua đó thu thập thêm thông tin tình hình hoạt động của Đơn vị phục vụ công tác kiểm soát đạt hiệu quả. Ban điều hành cũng đã phối hợp giúp BKS thực hiện tốt nhiệm vụ trong quá trình tiến hành kiểm soát và thực hiện kiến nghị kiểm soát. Công tác kiểm soát của BKS đã giúp cho HĐQT, Ban Điều hành đánh giá đúng những ưu điểm và tồn tại, hạn chế trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý tại TV4



Hoạt động khác của BKS

Theo dõi việc chấp hành các quy định đối với công ty niêm yết trên sàn chứng khoán về công bố thông tin.

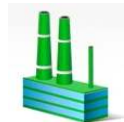
Rà soát kiểm tra công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020 theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

Đề xuất đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

Giám sát việc thực hiện tạm ứng, thanh toán cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt.

BKS cũng đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các báo cáo về công tác kiểm soát theo quy định





3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

3.1- Thù lao:

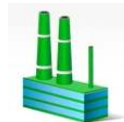
Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2020:

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền đã nhận
2	Vũ Thành Danh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	18.000.000
1	Lâm Du Sơn	Ủy viên Hội đồng quản trị	72.000.000
2	Trần Hoài Nam	Ủy viên Hội đồng quản trị	54.000.000
4	Trần Vĩnh Thái	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000
5	Nguyễn Duy Quốc Việt	Thành viên Ban kiểm soát	48.000.000
7	Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000
8	Trần Lê Thanh Bình	Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty	24.000.000
	Tổng cộng		264.000.000

3.2- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.

3.3- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.



4- Quản trị rủi ro

Trong năm 2020, đối mặt với nhiều thách thức của nền kinh tế, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp quản trị rủi ro hiệu quả như: tổ chức đầy đủ các cuộc họp để đánh giá, giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro trong toàn Công ty, xác định các rủi ro trọng yếu cần tập trung quản lý, tăng cường các chính sách, biện pháp, bảo đảm tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả.

Quản trị Rủi ro tư vấn

Trong quá trình kinh doanh, Công ty luôn đánh giá và giám sát các sản phẩm tư vấn trước khi giao cho khách hàng, giảm thiểu tối đa sai sót mang lại niềm tin tuyệt đối của khách hàng tới sản phẩm tư vấn mà Công ty làm ra.



Rủi ro đối thủ cạnh tranh

Với nền kinh tế mở hiện nay, rất nhiều tư vấn thuộc công ty tư nhân tham gia đấu thầu dự án. Công ty đã lên các phương án phù hợp về kỹ thuật và giá để có thể cạnh tranh lành mạnh với các đối thủ.





Rủi ro nhân sự

Chảy máu chất xám luôn là vấn đề mà mọi công ty đều phải đối mặt. Đây chính là rủi ro lớn nhất gặp phải trong nhân sự. Trong năm qua, Công ty luôn đảm bảo được nguồn lực lao động cụ thể tăng 12,4% so với năm 2019. Ngoài ra, Công ty đã đảm bảo tốt đời sống cho cán bộ công nhân viên, thu nhập gia tăng 10% so với năm 2019.

Công ty đảm bảo sức khỏe cho người lao động khi trang bị đầy đủ phương tiện y tế bảo đảm phòng chống dịch Covid hiệu quả. Có các biện pháp phòng tránh hay cách ly đối với cán bộ công nhân viên công tác ở các địa phương khác.

Rủi ro Pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán, các luật thuế,... những thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và điều này ít nhiều cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay, luật doanh nghiệp thay đổi mới và được áp dụng vào ngày 01/01/2021, Công ty đã có những rà soát, thay đổi các quy chế của công ty để phù hợp với bộ luật trên.



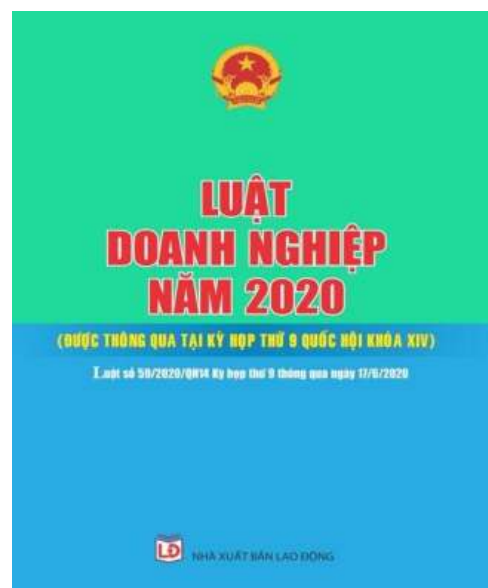
NHỮNG VIỆC HỌC SINH CẦN LÀM TẠI TRƯỜNG HÀNG NGÀY

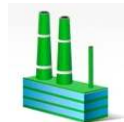
ĐỂ PHÒNG TRÁNH MẮC BỆNH COVID-19

- Rửa tay với nước sạch và xà phòng (hoặc dung dịch rửa tay khô) thường xuyên vào các thời điểm:**
 - Trước khi vào lớp
 - Trước và sau khi ăn
 - Sau khi ra chơi, nghỉ giữa giờ
 - Sau khi đi vệ sinh
 - Khi tay bẩn
- Che mũi, miệng khi ho hoặc hắt hơi (tốt nhất bằng giấy lau sạch, khăn vải hoặc khăn tay, hoặc ống tay áo để làm giảm phát tán dịch tiết đường hô hấp). Vứt bỏ khăn, giấy che mũi, miệng vào thùng rác và rửa sạch tay.**
- Không đưa tay lên mắt, mũi, miệng**
- Không dùng chung các đồ dùng cá nhân như cốc, bình nước, khăn mặt, khăn lau tay, gối, chăn...**
- Không khạc, nhổ bừa bãi**
- Bỏ rác đúng nơi quy định**
- Nếu bản thân hoặc thấy học sinh khác có sốt, ho, đau họng, khó thở thì báo ngay cho giáo viên chủ nhiệm**

* Lưu ý: Giáo viên hướng dẫn, giúp đỡ học sinh thực hiện đối với trẻ mầm non, học sinh tiểu học

BỘ Y TẾ **CỤC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG Y TẾ** Đường dây nóng của Bộ Y tế: 19003228, 19009095





Rủi ro Tài chính

Rủi ro về tài chính bao gồm rủi ro về lãi suất và tỷ giá ngoại tệ.

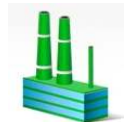
Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Điều này khó tránh khỏi khi các dự án hiện nay Chủ đầu tư nước ngoài đầu tư nhiều hơn so với các năm trước.



Rủi ro lãi suất cụ thể là lãi suất tiền gửi hoặc cho vay. Lãi suất thay đổi có thể ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của danh mục đầu tư, thu nhập lãi và việc tái đầu tư.

Rủi ro Chiến lược

Rủi ro chiến lược là rủi ro khi doanh nghiệp đề ra chiến lược phát triển không phù hợp, doanh nghiệp không có khả năng nhận biết và phản ứng một cách phù hợp với các cơ hội và thách thức phát sinh do tình hình thị trường thay đổi, dự báo sai các biến động thị trường, đầu tư vào các thị trường mới không hiệu quả. Trong năm qua, HĐQT và Ban điều hành đã phân tích vĩ mô và báo cáo kết quả kinh doanh, tổ chức các cuộc họp chiến lược giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030.



V. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1- CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2020

2- THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÃ HỘI

3- GẮN KẾT MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG





1- CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2020

Chính sách liên quan đến người lao động

Tổng số lao động của Công ty có đến thời điểm 31/12/2020 là 426 người. Thu nhập bình quân người lao động năm 2020 là 21,7 triệu đồng/người/tháng.



Cán bộ công nhân viên PECC4 – sân trước công ty





Năm 2020, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện nhiều cơ chế, chính sách nhằm nâng cao thu nhập và đời sống cho CBCNV

Đảm bảo việc làm cho người lao động, không còn tình trạng chờ việc so với những năm trước đây. Thu nhập bình quân của người lao động năm 2020 tăng hơn 20% hơn so với năm 2019. Từ tháng 7/2020, Công ty đã tăng quỹ lương hàng tháng cho CBCNV lên 10% so với thời gian trước đây; Các khoản chi trong dịp Lễ, Tết đều tăng so với những năm trước đây.

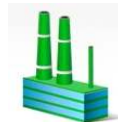
Trích nộp đầy đủ các khoản về Bảo hiểm XH, Bảo hiểm y tế, BH thất nghiệp cho người lao động. Đảm bảo các chế độ phúc lợi cho người lao động, phối hợp với Công đoàn thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời cho người lao động gặp khó khăn do thiên tai.

Sửa đổi, bổ sung Quy định Trợ cấp, thăm hỏi CBCNV Công ty; Sửa đổi, bổ sung Thỏa ước lao động tập thể trong đó tăng mức trợ cấp ốm đau, hiếu, hỷ cho CBCNV...

Tổ chức Hội thao trong CNVC-LĐ kỷ niệm 44 năm ngày thành lập Công ty (14/7/1976 – 14/7/2020)

Công ty luôn quan tâm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động: Sửa chữa, cải tạo phòng làm việc; Thường xuyên bổ sung, thay thế các trang, thiết bị phòng làm việc, mua bổ sung, thay thế ô tô phục vụ sản xuất. Đảm bảo diện tích cần thiết, môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp cho CBCNV.





Hưởng ứng tháng công nhân và tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2020 theo chỉ đạo của Công đoàn Điện lực Việt Nam, Công đoàn Công ty CP Tư vấn xây dựng Điện 4 đã phối hợp với bộ phận chức năng tổ chức kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động tại công trường dự án trọng điểm Công ty thực hiện ĐD 500kV Vân Phong – Vĩnh Tân.

Đồng thời, Công đoàn Công ty đã tổ chức thăm hỏi, động viên 7 nhóm công nhân thực hiện khảo sát dự án nêu trên với tổng số tiền 21.000.000đ.



Trong bối cảnh đại dịch Covid -19 bùng phát và thiên tai bão lũ xảy ra liên tiếp, ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống của người dân và kinh tế - xã hội của nhiều địa phương, trong đó có gia đình CBCNV Công ty.

Để kịp thời hỗ trợ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu, Công đoàn Công ty đã tổ chức trao quà hỗ trợ cho 16 CBCNV có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền 34 triệu đồng. Đây là món quà tinh thần của Công đoàn Công ty nhằm thể hiện tinh thần tương thân tương ái, phần nào giúp CBCNV vượt bớt khó khăn nhân dịp tết đến, xuân về.



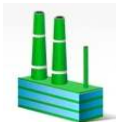
Công ty đã xây dựng trung tâm thí nghiệm mới và sửa chữa nhiều phòng làm việc phục vụ sản xuất.

Chính sách liên quan đến người lao động



Trong năm 2020, Công ty đã mua 6 xe ô tô thay thế các xe ô tô cũ, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho CBCNV đi công tác





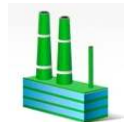
Hoạt động đào tạo Nguồn nhân lực

Năm 2020, Công ty tiếp tục đầu tư cho công tác đào tạo, ngoài việc tập trung trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ như: Mô hình thủy lực MIKE 3, hội thảo về giải pháp chất lượng điện năng cho các nhà máy điện NLTT, điện gió ngoài khơi, điện cao áp 1 chiều HVDC, giải pháp BIM, hệ thống tự động hóa và giải pháp quản trị Nhà máy điện...; Năm qua, Công ty còn chú trọng đào tạo trong lĩnh vực quản lý: Đã cử 9 cán bộ tham gia chương trình đào tạo CBQL cấp 2 và cấp 3 do Tập đoàn Điện lực Việt Nam tổ chức, 3 cán bộ tham dự lớp Trung cấp lý luận chính trị và một số cán bộ tham dự đào tạo về kiểm toán, quản trị nhân sự hiện đại, kiểm soát quy trình lập báo cáo tài chính và quản trị rủi ro gian lận...

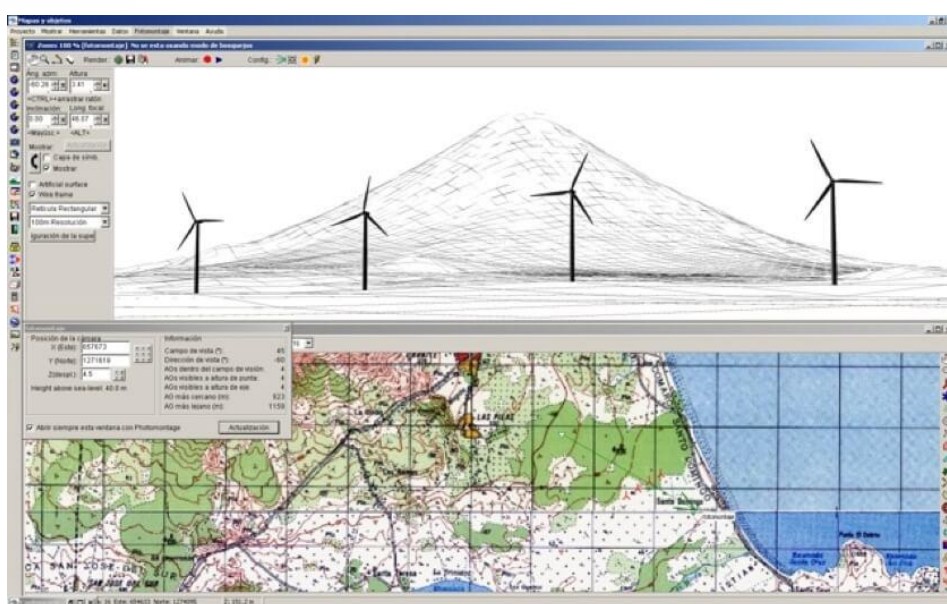


Hội nghị điện gió Việt Nam lần thứ 3

Vietnam Onshore and Offshore Wind Summit 2020 (VOOWS 2020)



Phần mềm Benley Substation 3D



Phần mềm Windpro



Phần mềm tính toán hệ thống điện DigSILENT



2- THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÃ HỘI

Dịch Covid-19 đang diễn biến rất phức tạp, khó lường, tác động toàn diện tới hoạt động sản xuất và đời sống của nhân dân; Dịch có thể kéo dài, khó dự đoán chính xác thời điểm kết thúc. Thời gian qua, có hàng vạn cán bộ, chiến sĩ, nhân viên y tế và toàn xã hội đã vượt mọi khó khăn, nỗ lực phòng chống dịch với tinh thần "chống dịch như chống giặc".

Để có thêm nguồn lực tiếp sức cho cán bộ, chiến sĩ, nhân viên y tế đang ngày đêm thực hiện nhiệm vụ; Hưởng ứng lời kêu gọi đồng hành trong công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Khánh Hòa; Với truyền thống "Tương thân, tương ái", Công ty Tư vấn xây dựng Điện 4 đã ủng hộ 132 triệu đồng (trong đó có 82 triệu do CBCNV đóng góp 01 ngày lương và 50 triệu trích từ Quỹ phúc lợi Công ty) nhằm chung tay phòng chống dịch theo phát động của Chính phủ.

Ngoài ra, Công ty đã trích từ Quỹ phúc lợi 50 triệu đồng để hỗ trợ cho đồng bào miền Tây bị thiệt hại do hạn, mặn.



Đoàn thanh niên PECC4 tham gia tình nguyện, tặng quà thăm hỏi và hỗ trợ các gia đình khó khăn, học sinh nghèo vượt khó



Tham gia ủng hộ, đồng hành cùng Chương trình "Thắp sáng niềm tin cho em" lần thứ VI – năm 2020 do Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam tổ chức



Hưởng ứng "Tuần lễ hồng EVN" do EVN phát động, Công ty và Công đoàn phối hợp tổ chức ngày Hiến máu nhân đạo.



Công ty tổ chức nhiều hoạt động Ủng hộ đồng bào miền Trung khắc phục lũ lụt



Đoàn Thanh niên PECC4 tổ chức thăm và tặng quà cho các em học sinh vùng lũ Quảng Trị



Tuần lễ hồng EVN lần VI





Ủng hộ đồng bào miền Trung khắc phục lũ lụt





Hoạt động xã hội



Ngày hội Trung thu cho các bé thiếu nhi PECC4



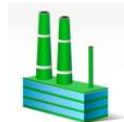


Hoạt động xã hội



Hội thao kỷ niệm 44 năm thành lập Công ty





Hoạt động xã hội



Sinh hoạt 8/3 tại Công ty



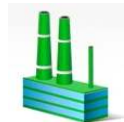


Hoạt động xã hội



Giao hữu bóng đá mừng đóng điện nhà máy Điện mặt trời KN Vạn Ninh





3. GẮN KẾT MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

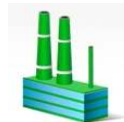
Trước những thách thức từ biến đổi khí hậu Công ty luôn chú trọng giám sát việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu các tác động đến môi trường.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Với đặc thù của đơn vị tư vấn, lao động “chất xám” đóng vai trò quan trọng, chi phí nguyên vật liệu để sản xuất và đóng gói chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng chi phí của Công ty. Tuy nhiên, khi sử dụng nguyên vật liệu, Công ty luôn tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường.





Nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện sinh hoạt và nước sinh hoạt phục vụ nhu cầu làm việc, sinh hoạt hàng ngày của tập thể Người lao động

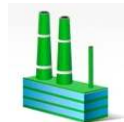
- Công ty không có lượng nước tái chế và tái sử dụng.



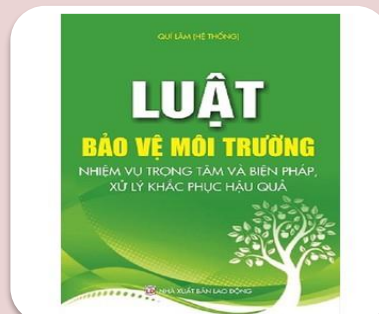
Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là một nhiệm vụ được thực hiện tốt tại Công ty thông qua các hành động thiết thực

- Lắp đặt các biển báo hướng dẫn sử dụng điện nước để tiết kiệm năng lượng
- Duy trì thực hiện 5S trong toàn Công ty
- Đảm bảo an toàn Vệ sinh lao động
- Phòng chống cháy nổ





Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường



Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chấp hành, thực hiện nghiêm túc luật pháp và các quy định về môi trường.

Khi thực hiện dự án tại các địa phương, Công ty thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, không gây ô nhiễm, không làm ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty chưa từng bị phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.





VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

2- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

3- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

4- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

5- BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH





VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 3.0059/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2018-008-1

Nha Trang, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1513-2018-008-1



2- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		195.079.802.619	153.340.005.713
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	64.571.581.055	54.626.358.069
1. Tiền	111		25.571.581.055	22.626.358.069
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.000.000.000	32.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		126.771.971.761	91.506.651.295
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	125.404.125.289	82.939.255.912
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.784.743.362	3.496.594.815
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	1.064.350.819	7.552.048.277
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(2.481.247.709)	(2.481.247.709)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.736.249.803	7.206.996.349
1. Hàng tồn kho	141	V.6	3.736.249.803	7.206.996.349
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		140.598.945.069	138.296.508.969
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		228.248.300	1.927.622.121
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	1.689.581.121	1.828.192.121
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	71.430.000	99.430.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.5	(1.532.762.821)	-
II. Tài sản cố định	220		27.626.591.179	24.197.146.731
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	13.126.135.040	9.296.226.635
- Nguyên giá	222		43.379.916.182	41.080.303.163
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.253.781.142)	(31.784.076.528)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	14.500.456.139	14.900.920.096
- Nguyên giá	228		20.438.772.083	20.291.887.883
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.938.315.944)	(5.390.967.787)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	110.941.640.000	110.626.640.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		103.850.000.000	103.850.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.091.640.000	7.091.640.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(315.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.802.465.590	1.545.100.117
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.802.465.590	1.545.100.117
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		335.678.747.688	291.636.514.682



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		150.060.096.158	116.125.248.315
I. Nợ ngắn hạn	310		150.060.096.158	116.125.248.315
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	23.729.688.845	14.905.098.003
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	60.699.789.039	29.357.838.807
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.485.220.099	6.328.255.785
4. Phải trả người lao động	314	V.14	51.135.639.253	45.291.370.876
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	306.095.000	11.898.983.433
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	3.020.513.051	3.353.920.309
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	4.683.150.871	4.989.781.102
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		185.618.651.530	175.511.266.367
I. Vốn chủ sở hữu	410		185.618.651.530	175.511.266.367
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	158.347.450.000	158.347.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		158.347.450.000	158.347.450.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.18	(745.850.060)	(745.850.060)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	339.535.474	339.535.474
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	27.677.516.116	17.570.130.953
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	17.570.130.953
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		27.677.516.116	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		335.678.747.688	291.636.514.682

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Người lập biểuTrần Lê Thanh Bình
Trưởng phòng tài chính kế toánLê Cao Quyền
Phó Tổng Giám đốc



3- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	251.014.677.317	206.455.105.647
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		251.014.677.317	206.455.105.647
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	184.348.617.707	147.836.605.945
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.666.059.610	58.618.499.702
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.894.523.759	2.210.150.760
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(308.767.943)	129.814.912
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	45.583.249.846	39.439.303.672
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.286.101.466	21.259.531.878
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.745.159.363	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	537.594.640	258.877.165
13. Lợi nhuận khác	40		1.207.564.723	(258.877.165)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.493.666.189	21.000.654.713
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	4.816.150.073	4.114.582.238
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.677.516.116	16.886.072.475
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.748	953
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.748	953

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Người lập biểu

Trần Lê Thanh Bình
Trưởng phòng tài chính kế toán



Lê Cao Quyền
Phó Tổng Giám đốc



4- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.493.666.189	21.000.654.713
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8; V.9	3.565.776.479	3.016.997.895
- Các khoản dự phòng	03	V.5; V.9	1.217.762.821	(1.758.068.673)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	6.232.057	3.814.912
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.6	(10.221.014.668)	(2.206.366.502)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.062.422.878	20.057.032.345
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(40.758.019.111)	(22.341.831.830)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	3.470.746.546	358.403.146
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		34.187.340.512	28.722.681.006
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.10	(257.365.473)	(939.379.501)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(4.720.296.213)	(3.587.044.565)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	35.840.000	18.510.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(2.142.379.184)	(1.530.092.398)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.878.289.955	20.758.278.203
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.995.220.927)	(2.337.577.163)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	326.490.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3; V.4a	15.553.833.404	2.394.405.236
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.885.103.386	56.828.073



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16; V.18	(15.811.938.298)	(22.115.498.126)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.811.938.298)	(22.115.498.126)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		9.951.455.043	(1.300.391.850)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	54.626.358.069	55.930.564.831
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.4	(6.232.057)	(3.814.912)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	64.571.581.055	54.626.358.069

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 3 năm 2021


 Nguyễn Thị Thanh Hoa
 Người lập biểu


 Trần Lê Thanh Bình
 Trưởng phòng tài chính kế toán



 Lê Cao Quyền
 Phó Tổng Giám đốc



5- BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ tư vấn.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn, khảo sát và thiết kế điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng mạnh so với năm trước do nghiệm thu phần lớn khối lượng hoạt động tư vấn thiết kế dự án Nhà máy Điện mặt trời tại Ninh Thuận. Mặt khác, trong năm Công ty nhận được cổ tức từ hoạt động đầu tư góp vốn với tổng giá trị trên 8 tỷ đồng đã góp phần làm tăng lợi nhuận năm nay so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên doanh, liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn có trụ sở chính tại Tầng 7, khách sạn Biệt Điện, 01 Ngô Quyền, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh điện. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 31%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh phía Bắc	Lô số 3 – TT4 – ngõ 183 – phố Hoàng Văn Thái – phường Khương Trung – quận Thanh Xuân – thành phố Hà Nội
Chi nhánh phía Nam	46/9 Trần Quý Khoách – phường Tân Định – quận 1 – thành phố Hồ Chí Minh

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 426 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 379 nhân viên).



II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.



- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.



Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí khác

Chi phí sửa chữa, chi phí khác phát sinh được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.



Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận bàn giao từ Công ty Nhà Nước được xác định theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:



- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Quyết định Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	203.362.000	137.478.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.368.219.055	22.488.880.069
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	39.000.000.000	32.000.000.000
Cộng	64.571.581.055	54.626.358.069

2. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>647.854.545</i>	<i>610.545.454</i>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	410.400.000	373.090.909
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	237.454.545	237.454.545
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>124.756.270.744</i>	<i>82.328.710.458</i>
Ban Quản lý dự án các công trình Điện Miền Trung	25.357.981.159	34.838.324.455
Ban Quản lý dự án Điện 3	17.346.598.230	9.776.674.601
Công ty TNHH Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam	32.678.836.239	-
Các khách hàng khác	49.372.855.116	37.713.711.402
Cộng	125.404.125.289	82.939.255.912

2b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế	1.532.762.821	1.532.762.821
Ban Quản lý dự án Thủy Điện 2	156.818.300	156.818.300
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	-	138.611.000
Cộng	1.689.581.121	1.828.192.121

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Lilama 69-1	615.000.000	615.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Thương mại Gia Phát	-	600.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Năng lượng Hà Nội	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Lê Nguyên	397.101.100	397.101.100
Các nhà cung cấp khác	1.372.642.262	1.484.493.715
Cộng	2.784.743.362	3.496.594.815

**4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	5.657.748.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn - Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	5.657.748.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.064.350.819	-	1.894.300.277	-
Tạm ứng	752.952.822	-	1.548.902.280	-
Phải thu người lao động	26.000.000	-	60.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	285.397.997	-	285.397.997	-
Cộng	1.064.350.819	-	7.552.048.277	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>		2.481.247.709	-		2.481.247.709	-
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	Trên 3 năm	2.481.247.709	-	Trên 3 năm	2.481.247.709	-
<i>Phải thu khách hàng dài hạn</i>		1.532.762.821	-		-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế	Trên 3 năm	1.532.762.821	-		-	-
Cộng		4.014.010.530	-		2.481.247.709	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	2.481.247.709	-	2.481.247.709
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1.532.762.821	1.532.762.821
Số cuối năm	2.481.247.709	1.532.762.821	4.014.010.530

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	406.107.693	-	430.183.834	-
Công cụ, dụng cụ	95.863.467	-	72.364.779	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.234.278.643	-	6.704.447.736	-
Cộng	3.736.249.803	-	7.206.996.349	-

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.104.595.287	13.955.001.927	14.840.137.147	2.180.568.802	41.080.303.163
Mua trong năm	-	993.220.000	4.792.616.727	77.500.000	5.863.336.727
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	985.000.000	-	-	-	985.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.581.101.040)	(2.670.422.668)	(297.200.000)	(4.548.723.708)
Số cuối năm	11.089.595.287	13.367.120.887	16.962.331.206	1.960.868.802	43.379.916.182
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	773.606.927	8.165.029.715	8.781.098.479	869.980.892	18.589.716.013
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.126.758.039	11.584.737.515	12.542.065.581	1.530.515.393	31.784.076.528
Khấu hao trong năm	450.497.715	1.211.283.367	1.115.312.987	241.334.253	3.018.428.322
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.581.101.040)	(2.670.422.668)	(297.200.000)	(4.548.723.708)
Số cuối năm	6.577.255.754	11.214.919.842	10.986.955.900	1.474.649.646	30.253.781.142
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.977.837.248	2.370.264.412	2.298.071.566	650.053.409	9.296.226.635
Số cuối năm	4.512.339.533	2.152.201.045	5.975.375.306	486.219.156	13.126.135.040
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.557.463.000	3.734.424.883	20.291.887.883
Mua trong năm	-	146.884.200	146.884.200
Số cuối năm	16.557.463.000	3.881.309.083	20.438.772.083
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	341.156.100	2.270.694.411	2.611.850.511
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.420.641.757	2.970.326.030	5.390.967.787
Khấu hao trong năm	182.446.992	364.901.165	547.348.157
Số cuối năm	2.603.088.749	3.335.227.195	5.938.315.944
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.136.821.243	764.098.853	14.900.920.096
Số cuối năm	13.954.374.251	546.081.888	14.500.456.139



	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	103.850.000.000	-	103.850.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn ⁽ⁱ⁾	103.850.000.000	-	103.850.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.091.640.000	-	7.091.640.000	(315.000.000)
Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang ⁽ⁱⁱ⁾	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	1.050.000.000	-	1.050.000.000	(315.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khánh Hòa – Hà Nội	1.041.640.000	-	1.041.640.000	-
Cộng	110.941.640.000	-	110.941.640.000	(315.000.000)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000884487 thay đổi lần thứ 8 ngày 30 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn tương đương 31% vốn điều lệ. Trong năm Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn trả cổ tức bằng 2.198.600 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 18.606.069 cổ phiếu, tương đương 31% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (số đầu năm là 16.407.469 cổ phiếu, tương đương 31% vốn điều lệ).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4401028708 ngày 22 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang tương đương 30% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 535/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty quyết định dừng đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 500.000 cổ phiếu.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.



Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	315.000.000	189.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	-	126.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(315.000.000)	-
Số cuối năm	-	315.000.000

Giao dịch với công ty liên kết

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn là công ty liên kết về cổ tức được chia số tiền là 8.203.415.822 VND (năm trước không phát sinh giao dịch).

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.295.863.716	1.076.480.271
Chi phí trả trước dài hạn khác	506.601.874	468.619.846
Cộng	1.802.465.590	1.545.100.117

11. Phải trả người bán ngắn hạn

11a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>486.117.779</i>	<i>486.117.779</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1	486.117.779	486.117.779
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>23.243.571.066</i>	<i>14.418.980.224</i>
Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ	2.002.092.986	2.572.918.259
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Sài Gòn	6.734.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	14.507.478.080	11.846.061.965
Cộng	23.729.688.845	14.905.098.003

11b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý dự án các công trình Điện Miền Nam	4.234.887.958	3.480.166.297
Công ty TNHH Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam	-	3.053.932.326
Các khách hàng khác	56.464.901.081	22.823.740.184
Cộng	60.699.789.039	29.357.838.807

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.743.957.894	17.687.643.669	(17.856.328.537)	4.575.273.026
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.466.794.338	4.816.150.073	(4.720.296.213)	1.562.648.198
Thuế thu nhập cá nhân	117.503.553	2.367.837.736	(2.138.042.414)	347.298.875
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	5.212.323	(5.212.323)	-
Thuế nhà thầu		1.309.401.713	(1.309.401.713)	-
Lệ phí môn bài		3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	6.328.255.785	26.189.245.514	(26.032.281.200)	6.485.220.099

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng của dịch vụ tư vấn thiết kế, khảo sát là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.493.666.189	21.000.654.713
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	72.000.000	72.256.476
Thu nhập chịu thuế	32.565.666.189	21.072.911.189
Thu nhập được miễn thuế	(8.484.915.822)	(500.000.000)
Thu nhập tính thuế	24.080.750.367	20.572.911.189
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.816.150.073	4.114.582.238

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**14. Phải trả người lao động**

Số dư tại ngày cuối năm là quỹ lương chưa chi hết cho người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí trích trước tiền ăn giữa ca tháng 12/2020.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.659.879.935</i>	<i>1.659.879.935</i>
Tập đoàn điện lực Việt Nam - Lãi trái phiếu phải trả	1.659.879.935	1.659.879.935
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.360.633.116</i>	<i>1.694.040.374</i>
Kinh phí công đoàn	883.679.131	1.220.185.992
Phải trả về cổ phần hóa	2.100.000	2.100.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	70.673.841	112.390.139
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	404.180.144	359.364.243
Cộng	<u>3.020.513.051</u>	<u>3.353.920.309</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tiền thưởng từ Tập đoàn</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	3.260.689.637	1.249.847.162	35.840.000	(841.700.000)	3.704.676.799
Quỹ phúc lợi	1.441.433.265	312.461.791	-	(1.013.020.984)	740.874.072
Quỹ thưởng Ban điều hành	287.658.200	237.600.000	-	(287.658.200)	237.600.000
Cộng	<u>4.989.781.102</u>	<u>1.799.908.953</u>	<u>35.840.000</u>	<u>(2.142.379.184)</u>	<u>4.683.150.871</u>

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	113.356.100.000	113.356.100.000
Các cổ đông khác	44.991.350.000	44.991.350.000
Cộng	<u>158.347.450.000</u>	<u>158.347.450.000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 158.347.450.000 VND.

18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.834.745	15.834.745
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.834.745	15.834.745
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(64.523)	(64.523)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.770.222	15.770.222



Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 ngày 30 tháng 6 năm 2020 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 15.770.222.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 1.562.308.953
• Trích quỹ thưởng ban điều hành	: 237.600.000
Tổng cộng	17.570.130.953

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

19a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 80,025.58 USD (số đầu năm là 468.78 USD).

19b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế I	6.037.929.873	6.037.929.873	Không liên lạc được khách hàng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc	5.919.992.822	5.919.992.822	Khách hàng đã giải thể
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	5.318.864.000	5.318.864.000	Dự án bị thu hồi
Công ty Cổ phần Năng lượng Nhân Luật	3.054.527.900	3.054.527.900	Dự án bị thu hồi, khách hàng tạm ngừng kinh doanh
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm	2.969.910.000	2.969.910.000	Dự án bị thu hồi
Công ty Cổ phần Hoàng Anh - Ban Mê	2.920.004.170	2.920.004.170	Không tìm ra khách hàng
Các khách hàng khác	2.971.904.655	4.327.507.655	Khách hàng đã giải thể, Dự án không thực hiện
Cộng	29.193.133.420	30.548.736.420	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.9, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:



	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	373.090.909
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	296.818.182
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế		
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.409.607.937	1.706.366.502
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.484.915.822	500.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	3.784.258
Cộng	9.894.523.759	2.210.150.760
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.232.057	3.814.912
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(315.000.000)	126.000.000
Cộng	(308.767.943)	129.814.912
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	22.221.749.461	18.941.458.075
Chi phí vật liệu quản lý	864.445.709	851.435.809
Chi phí khấu hao tài sản cố định	257.660.006	210.569.036
Thuế, phí và lệ phí	10.512.323	30.495.707
Dự phòng phải thu khó đòi	1.532.762.821	1.632.068.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	945.760.860	784.797.164
Các chi phí khác	19.750.358.666	16.988.479.208
Cộng	45.583.249.846	39.439.303.672
6. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	326.490.909	-
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	63.065.454	-
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	1.355.603.000	-
Cộng	1.745.159.363	-
7. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	519.737.640	258.380.689
Chi phí khác	17.857.000	496.476
Cộng	537.594.640	258.877.165

**8. Lãi trên cổ phiếu****8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.677.516.116	16.886.072.475
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.799.908.953)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	27.677.516.116	15.086.163.522
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	15.834.745	15.834.745
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.748	953

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.066 VND xuống còn 953 VND.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.761.665.704	8.268.028.628
Chi phí nhân công	123.454.163.681	105.215.676.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.565.776.479	3.016.997.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.367.085.503	35.880.664.979
Chi phí khác	38.313.007.093	34.567.676.126
Cộng	226.461.698.460	186.949.044.068

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các khoản cam kết**

Theo Nghị quyết số 1938/NQ-HĐQT ngày 20/12/2011 của Hội đồng quản trị về việc “*thông qua cam kết hỗ trợ vay vốn Dự án Thủy điện Srêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn*”, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 thông qua cam kết hỗ trợ vay vốn Dự án Thủy điện Srêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn như sau:

- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 sẽ không chuyển nhượng các cổ phần của Công ty nếu chưa được sự đồng ý trước của Bên cho vay kể từ ngày cam kết chứng nhận này cho tới khi toàn bộ số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng được hoàn trả hết;
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 sẽ cùng với các cổ đông liên quan tới EVN và các cổ đông cá nhân góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn theo hình thức góp vốn hoặc các khoản vay bổ sung, để đảm bảo sự thiếu hụt về tiền mặt có thể xảy ra trong tương lai của quá trình vay vốn, nhằm đảm bảo khả năng trả nợ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.



2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Hội đồng quản trị	1.739.824.300	131.508.000	144.000.000	2.015.332.300
Ban Tổng Giám đốc	685.401.000	45.480.000	-	730.881.000
Ban Kiểm soát	372.861.230	47.430.200	96.000.000	516.291.430
Cộng	2.798.086.530	224.418.200	240.000.000	3.262.504.730
Năm trước				
Hội đồng quản trị	1.071.625.196	17.000.000	155.160.000	1.243.785.196
Ban Tổng Giám đốc	1.468.281.143	18.000.000	-	1.486.281.143
Ban Kiểm soát	260.442.100	3.000.000	69.360.000	332.802.100
Cộng	2.800.348.439	38.000.000	224.520.000	3.062.868.439

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là EVN)	Công ty mẹ, sở hữu 71,59% cổ phần
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	Công ty con của EVN
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty con của EVN
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Công ty liên kết, sở hữu 31% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.9 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:



	Năm nay	Năm trước
<i>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>		
Cổ tức phải trả	11.335.610.000	15.870.274.000
Công ty chuyển trả cổ tức	11.335.610.000	15.870.274.000

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2a, V.4a, V.11 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Người lập biểu

Trần Lê Thanh Bình
Trưởng phòng tài chính kế toán



Lê Cao Quyền
Phó Tổng Giám đốc



Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	158.347.450.000	(745.850.060)	339.535.474	25.572.140.336	183.513.275.750
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	16.886.072.475	16.886.072.475
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018	-	-	-	(2.522.112.858)	(2.522.112.858)
Trích lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành từ lợi nhuận năm 2018	-	-	-	(287.658.200)	(287.658.200)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018	-	-	-	(22.078.310.800)	(22.078.310.800)
Số dư cuối năm trước	158.347.450.000	(745.850.060)	339.535.474	17.570.130.953	175.511.266.367
Số dư đầu năm nay	158.347.450.000	(745.850.060)	339.535.474	17.570.130.953	175.511.266.367
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	27.677.516.116	27.677.516.116
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019	-	-	-	(1.562.308.953)	(1.562.308.953)
Trích lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành từ lợi nhuận năm 2019	-	-	-	(237.600.000)	(237.600.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019	-	-	-	(15.770.222.000)	(15.770.222.000)
Số dư cuối năm nay	158.347.450.000	(745.850.060)	339.535.474	27.677.516.116	185.618.651.530

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Người lập biểu

Trần Lê Thanh Bình
Trưởng phòng tài chính kế toán



Khánh Hòa, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Lê Cao Quyền
Phó Tổng Giám đốc



EVN***PECC4***

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

TRỤ SỞ: 11 HOÀNG HOA THÁM – NHA TRANG – KHÁNH HÒA

TEL: 0258.3563999 – FAX: 0258.3563888

WEBSITE: PECC4.VN